



BULONG VIỆT ĐỨC

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
BULONG VIỆT ĐỨC**

CATALOGUE

Hotline: 0931.689.555

Ngành cơ khí, đóng tàu, lắp máy, xây lắp dầu khí



Xây dựng công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải, rác thải



Thi công nhôm kính vách dựng, sản xuất cửa nhựa, cửa nhôm, đồ nội thất



Sản xuất và lắp ráp đồ gia dụng, điện tử



Sản xuất và lắp ráp thiết bị vệ sinh, phụ kiện phòng tắm



Sản xuất thiết bị y tế, thiết bị nhà bếp



Thi công đá Marble, Granite, đá tự nhiên



Xây dựng kết cấu nhà thép, lắp máy



THƯ NGỎ

Kính gửi: QUÝ KHÁCH HÀNG!

Dear: Customers

Công ty TNHH Sản Xuất & TM Bulong Việt Đức hân hạnh gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc về sự đồng hành của Quý khách hàng trong thời gian vừa qua!

Với hơn ba năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và nhập khẩu các sản phẩm lắp siết, Bulong Việt Đức không ngừng phát triển và mở rộng sản phẩm, dịch vụ. Lấy Chất lượng và Uy tín là mục tiêu hàng đầu, Bulong Việt Đức cam kết hoạt động với phương châm:

“ SẢN PHẨM TỐT - GIÁ CẢ CẠNH TRANH - DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP “

Các sản phẩm chúng tôi hiện đang cung cấp:

- **Bulông, ốc vít Inox các loại:** SUS 201/ 304/ 316/ 316L/ 410 Stainless Steel Fasteners: SuS201/ 304/ 316/ 316L/ 410.
- **Bulông cường độ cao:** 4.8/ 5.6/ 6.8/ 8.8/ 10.9/ 12.9/ F10T(JIS B1186)/ S10T (JSS-II-09)/ A325/ A490/ A307B
- **Bulông phục vụ cho các ngành:** Giao thông, viễn thông, điện lực, cơ khí, đóng tàu, kết cấu nhà thép, nhiệt điện, lọc hóa dầu, cấp thoát nước, cơ điện lạnh, xi măng, nhôm kính, thi công đá.....
- Các sản phẩm cơ khí chính xác CNC, Sản xuất Bulong theo bản vẽ,...
- Vật tư thiết bị an toàn giao thông cho Đường bộ, Đường cao tốc, Đường sắt, Đường thủy.
- Máy móc, thiết bị, các linh kiện, phụ tùng phục vụ ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông.
- Phụ kiện Ván khuôn - Phụ kiện Copphe (Copphe Accessories)
- Phụ kiện giàn giáo (Scaffolding Coupler Accessories)
- Vật tư thiết bị cơ kim khí phục vụ cho dân dụng và công nghiệp.


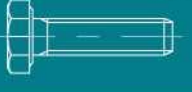
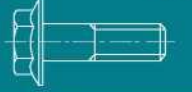


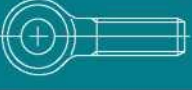
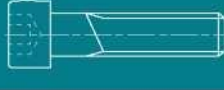








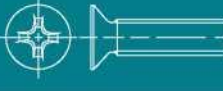

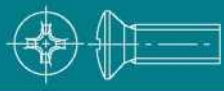

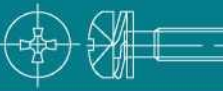
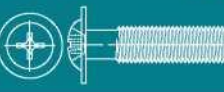
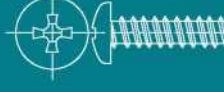
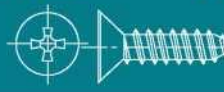
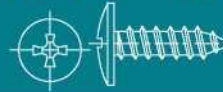

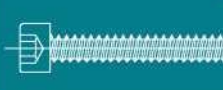

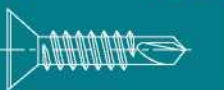
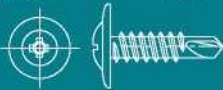
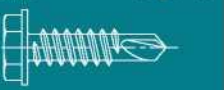


Các sản phẩm của chúng tôi được nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước theo các hệ tiêu chuẩn như: ISO; ASTM, ANSI (Mỹ); BS (Anh); JIS (Nhật Bản); DIN (Đức); GB (Trung Quốc); GOST (Nga) và TCVN (Việt Nam).







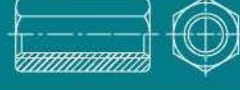




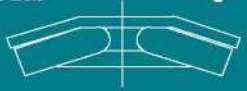




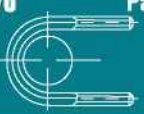
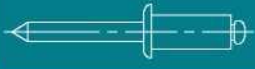








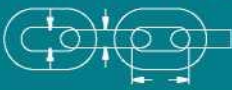
Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và nhiệt tình, Nam Hải lấy làm vinh dự, tự tin khi được chia sẻ và hợp tác với quý khách hàng dài lâu.

Một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm ơn và gửi đến quý khách hàng lời chúc sức khỏe và phát triển. Rất mong được đón tiếp Quý khách hàng.

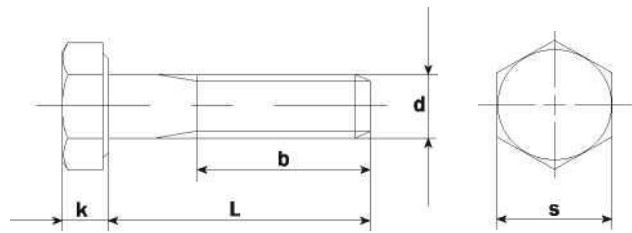
Kính thư!

MỤC LỤC

DIN 931 Page 6 	DIN 933 Page 6 	DIN 6921 Page 7 	DIN 316 Page 7 
DIN 603 Page 7 	DIN 444-B Page 8 	DIN 912 Page 8 	DIN 7380 Page 8 
DIN 7991 Page 9 	DIN 913 Page 9 	DIN 914 Page 9 	DIN 961 Page 10 
DIN 551 Page 10 	DIN 553 Page 10 	DIN 7985 Page 11 	DIN 965 Page 11 
IFII-27 Page 11 	DIN 966 Page 12 	DIN 7985-TX Page 12 	GB 9074.8 Page 12 
GB 9074.5 Page 13 	DIN 7981C Page 13 	DIN 7982C Page 13 	DIN 7984C Page 14 
DIN 571 Page 14 	DIN 7504K Page 14 	DIN 7504N Page 15 	DIN 7504P Page 15 
DIN 7504T Page 15 	DIN 7504K Page 16 	DIN 934 Page 16 	DIN 439B Page 16 

DIN 557 Page 17 	DIN 985 Page 17 	DIN 1587 Page 17 	DIN 6923 Page 18 
DIN 315 Page 18 	DIN 928 Page 18 	DIN 6334 Page 19 	DIN 582 Page 19 
DIN 125A Page 20 	DIN 9021 Page 20 	DIN 127B Page 21 	EPDM Page 21 
DIN 975 Page 21 	DIN 976A Page 22 	THREAD RODS Page 22 	DIN 911 Page 22 
DIN 3570 Page 23 	DIN 7337A Page 24 	DIN 7337B Page 24 	DIN 94 Page 24 
ANCHOR BOLTS Page 25 	WEDGE ANCHORS Page 26 	DROP-IN ANCHORS Page 27 	ANCHOR BOLTS Page 27 
RESIN CAPSULES Page 28 	WALL PLUGS - NYLON Page 28 	DIN 763/764/766 Page 29 	

HEXAGON HEAD BOLTS, PART THREAD DIN 931



BULÔNG LỤC GIÁC NGOÀI, REN LỬNG: DIN 931

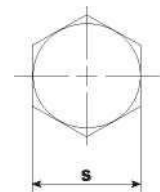
Grades/cấp bền: 4.8/ 5.6/ 8.8/10.9/12.9/ A2/ A4

d	M3	M4	M5	M6	M7		M10	M12	M14
p		0,7	0,8	1	1	1,25	1,5	1,75	2
b ^{1'}	(1)	14	16	18	20	22	26	30	34
	(2)		22	24	26	28	32	36	40
	(3)						45	49	53
k		2,8	3,5	4	4,8	5,3	6,4	7,5	8,8
s		7	8	10	11	13	17/16*	19/18*	22/21*

d	M16	M18		M24	M27		M33			
p	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	4		
b ^{1''}	(1)	38	42	46	50	54	60	66	72	78
	(2)	44	48	52	56	60	66	72	78	84
	(3)	57	61	65	69	73	79	85	91	97
k	10	11,5	12,5	14	15	17	18,7	21	22,5	
s	24	27	30	32/34*	36	41	46	50	55	

b¹ (1) l < 125 mm. (2) 125 mm < l < 200 mm. (3) l > 200 mm

HEXAGON HEAD BOLTS, FULL THREAD DIN 933



BULÔNG LỤC GIÁC NGOÀI, REN SUỐT: DIN 933

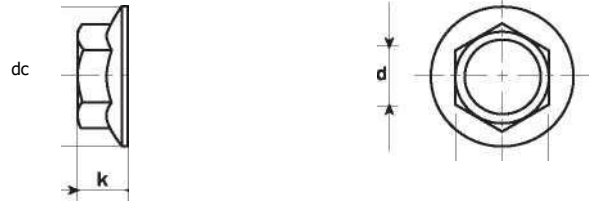
Grades/cấp bền: 4.8/ 5.6/ 8.8/10.9/12.9/ A2/ A4

	3	M4		6	M7		M10	M12	M14
p	0,5	0,7	0,8	1	1	1,25	1,5	1,75	2
k	2	2,8	3,5	4	4,8	5,3	6,4	7,5	8,8
s	5,5	7	8	10	11	13	17/16*	19/18*	22/21*

d	M16	M18		M24	M27		M33	M36	
p	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	4	
k	10	11,5	12,5	14	15	17	18,7	21	22,5
s	24	27	30	32/34*	36	41	46	50	55

HEXAGON FLANGE BOLTS

DIN 6921



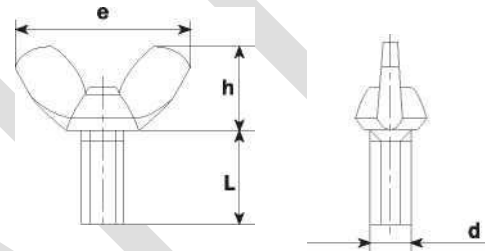
BULÔNG LIỀN LONG ĐEN: DIN 6921

Grades/Cấp bên: 4.8/ 5.6/ 8.8/ A2/ A4

					M12	M14		
p	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5
b	16	18	22	26	30	34	38	46
k	5,40	6,6	8,1	9,2	11,5	12,8	14,4	17,1
s	8	10	13	15	16	18	21	27
dc	11,8	14,2	18	22,3	26,6	30,5	35	43

WING SCREWS

DIN 316



BULÔNG TAI HỒNG (TAI CHUON): DIN 316

Grades/Cấp bin: 4.8/ A2

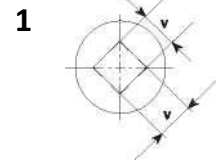
					M10	M12	M16	
p	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5
e (max)	20	26	33	39	51	65	73	90
h (max)	10,5	13	17	20	25	33,5	37,5	46,50

CARRIAGE BOLTS

DIN 603



dk



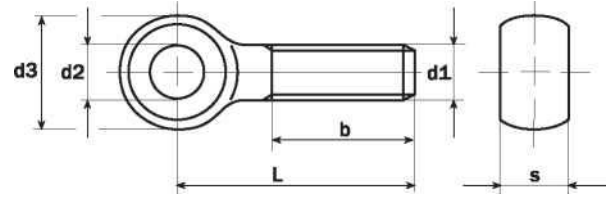
BULÔNG ĐẦU TRON CO VUONG: DIN 603

Grades/Cấp bên: 4.8/ 8.8/ A2

d	M5	M6	M8	M10	M12	M16	
p	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5
(i)	16	18	22	26	30	38	46
b(i) (2)	22	24	28	32	36	44	52
(3)	-	■	41	45	49	57	65
dk (max)	13,55	16,55	20,65	24,65	30,65	38,8	46,8
f (max)	4,1	4,6	5,6	6,6	8,75	12,9	15,9
k (max)	3,3	3,88	4,88	5,38	6,95	8,95	11,05
V (max)	5,48	6,48	8,58	10,58	12,7	16,7	20,84

EYE BOLTS

DIN 444-B



BULONG MAT: DIN 444-B

Grades/CSp bgn: 4.8/ 8.8/10.9/ A2/ A4

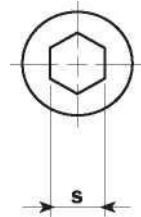
d1	M5	M6	M8	M10	M12	M16	M20	M24
P	0.8	1	1.25	1.5	1.75	2	2.5	3
b ⁽¹⁾	1	18	22	26	30	38	46	54
	2	-	28	32	36	44	52	60
	3	-	-	-	49	57	65	73
d2 (H9)	5	6	8	10	12	16	18	22
d3 (max)	12	14	18	20	25	32	40	45
s (max)	6	7	9	12	14	17	22	25

b¹ (1) 1^125 mm. (2) 125 mm < L < 200 mm. (3) L > 200 mm

HEXAGON SOCKET HEAD CAP SCREWS DIN 912



dk

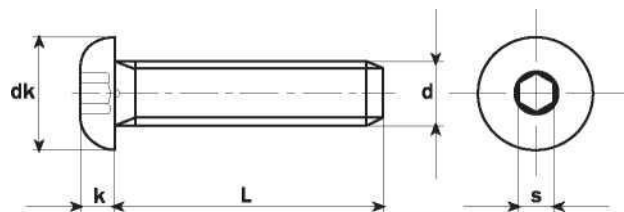


BULONG LUC GIAC CHIM DAU TRU: DIN 912

Grades/tfp bin: 8.8/10.9/12.9/ A2/ A4

p	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5
b*	18	20	22	24	28	32	36	40	44	48	52	56	60	66	72
dk (max)	5,5	7	8,5	10	13	16	18	21	24	27	30	33	36	40	45
k (max)	3	4	5	6	8	10	12	14	16	18	20	22	24	27	30
s	2,5	3	4	5	6	8	10	12	14	14	17	17	19	19	22

HEXAGON SOCKET BUNON HEAD SCREWS DIN 7380



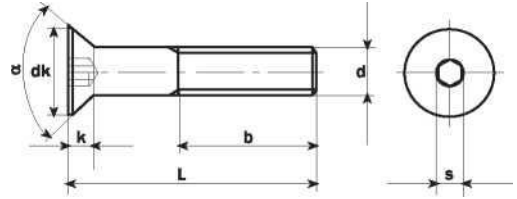
BULONG LUC GIAC CHIM DAU CAU (DAU TRON): DIN 7380

Grades/tfp bOn: 8.8/10.9/ A2/ A4

P	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2
dk (max)	5,7	7,6	9,5	10,5	14	17,5	21	28
k (max)	1,65	2,2	2,75	3,3	4,4	5,5	6,6	8,8
S	2	2,5	3	4	5	6	8	10

HEXAGON SOCKET COUNTERSUNK HEAD SCREWS DIN 7991

CÔNG BAN PHÁT



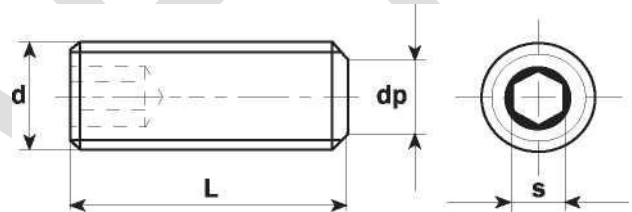
BULÔNG LỤC GIÁC CHÌM ĐẦU BANG: DIN 7991

Grades/Cấp bền: 8.8/10.9/ A2/ A4

p	0,5	0,7	0,8	ITT 1	1,25	1,5	1,75	2	2,5	
b*	12	14	16	18	22	26	30	38	46	
dk	6	8	10	12	16	20	24	30	36	
k (max)	1,7	2,3	2,8	3,3	4,4	5,5	6,5	7,5	8,5	
a	90°		90°		90°		90°		90°	
s	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12	

b*: Size b is a guide value, it amounts on the minimum length of the threaded part. Per diameter (d) are lengths (L) above the dotted line threaded up to the head.

HEXAGON SOCKET SET SCREWS WITH FLAT POINT DIN 913

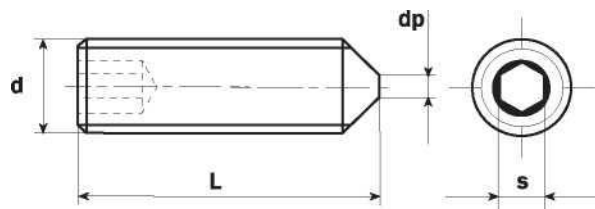


VIT TRI LỤC GIÁC ĐẦU BANG: DIN 913

Grades/cấp bền: 12.9/A2

p	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5	3
dp (max)	2	2,5	3,5	4	5,5	7	8,5	12	15	18
s	1,5	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12

HEXAGON SOCKET SET SCREWS WITH CONE POINT DIN 914



VIT TRI LỤC GIÁC ĐẦU NHON: DIN 914

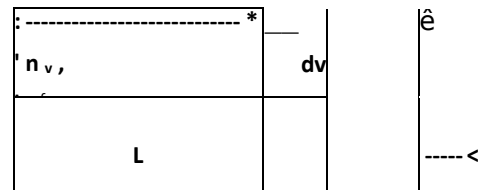
rr

Grades/Cấp bền: 12.9/ A2

p	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5	3
dp (max)	-	-	-	1	2	2	2	4	6	8
s	1,5	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12



SCREWS WITH CUP POINT DIN 91

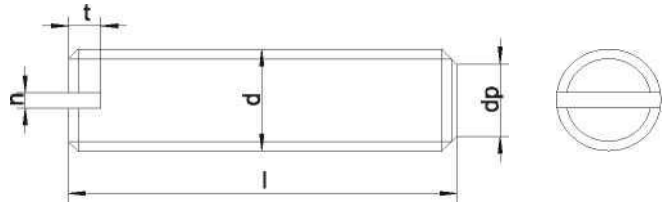


VÍT TRI LỤC GIÁC DẦU LÔM: DIN 916

Grades/Cấp bin: 12.9/ A2

					M10		M12			
p	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2,5	3
dv	1,4	2	2,5	3	5	6	8	10	14	16
s	1,5	2	2,5	3	4	5	6	8	10	12

HEXAGON SLOTTED SET SCREWS WITH FLAT POINT DIN 551



VÍT TRI XÈ RÂNH DÂU BANG: DIN 551

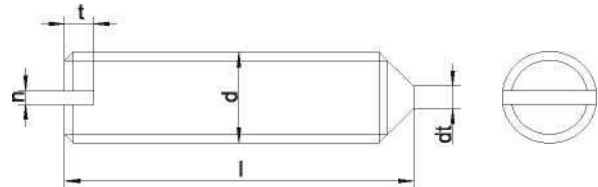
Grades/Cấp bin: 12.9/ A2

d	M1,6	M2	M2,5	M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12
n	0,25	0,25	0,40	0,40	0,60	0,80	1,00	1,20	1,60	2,00
t min	0,56	0,64	0,72	0,80	1,12	1,28	1,60	2,00	2,60	2,80
t max	0,74	0,84	0,95	1,05	1,42	1,63	2,00	2,50	3,00	3,60
dp min	0,55	0,75	1,25	,175	2,25	3,20	3,70	5,20	6,64	8,14
⊕	0,16x0,8	0,25x1,2	0,4x2,0	0,4x2,0	0,6x3,5	0,8x4,0	1,0x5,5	1,2x7,0	1,6x9,0	2,0x12,0

HEXAGON SLOTTED SET SCREWS WITH CONE POINT

DIN 553

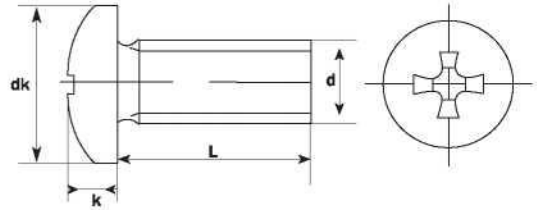
VÍT TRI XÈ RÂNH DAU NHON: DIN 553



Grades/Cấp bin: 12.9/ A2

d	M2,5	M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12
n	0,40	0,40	0,60	0,80	1,00	1,20	1,60	2,00
t min	0,72	0,80	1,12	1,28	1,60	2,00	2,60	2,80
t max	0,95	1,05	1,42	1,63	2,00	2,50	3,00	3,60
dp min	1,25	,175	2,25	3,20	3,70	5,20	6,64	8,14
⊕	0,4x2,0	0,4x2,0	0,6x3,5	0,8x4,0	1,0x5,5	1,2x7,0	1,6x9,0	2,0x12,0

PHILLIPS PAN HEAD MACHINE SCREWS DIN 7985

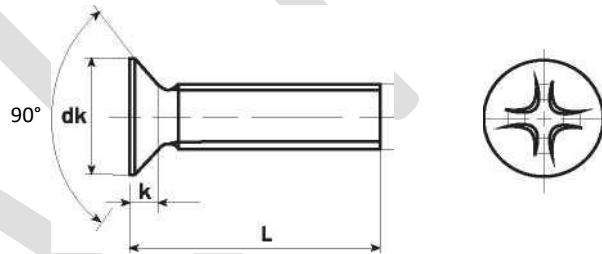


VÍT PAKE ĐẦU TRÒN THÂN BULÔNG: DIN 7985

Grades/Cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	M1.6	M2	M2.5	M3	M4	M5	M6	M8	M10
P	0,35	0,4	0,45	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5
dk	3,2	4	5	6	8	10	12	16	2,0
k	1,3	1,6	2	2,4	3,1	3,8	4,6	6	7,5
Nr. Phillips (H)				1	2	2	3	4	4

PHILLIPS FLAT HEAD MACHINE SCREWS DIN 965

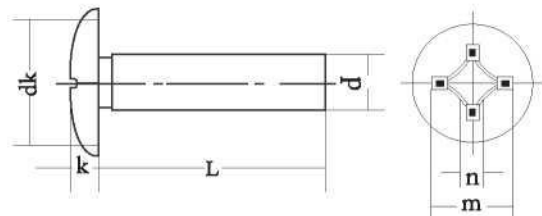


VÍT PAKE ĐẦU BẰNG THÂN BULÔNG: DIN 965

Grades/cấp bền: 4.8/ A2/ A4

	13	M4	M5	M6	M8	M10
p	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5
dk	5,6	7,5	9,2	11	14,5	18,0
k (max)	1,65	2,2	2,5	3	4	5
Nr. Phillips (H)	1	2	2	3	4	4

PHILLIPS FLAT HEAD MACHINE SCREWS IFII-27

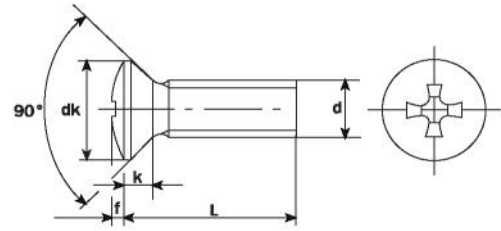


VÍT PAKE ĐẦU DÙ THÂN BULÔNG: IFII-27

Grades/Cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	M3	M4	M5	M6	M8
p	0,5	0,7	0,8	1	1,25
dk (Min)	6,4	8,9	11,2	13,3	17
k (max)	2,05	2,65	3,25	3,9	5
Nr. Phillips (H)	1	2	2	3	4

PHILLIPS OVAL HEAD MACHINE SCREWS DIN 966

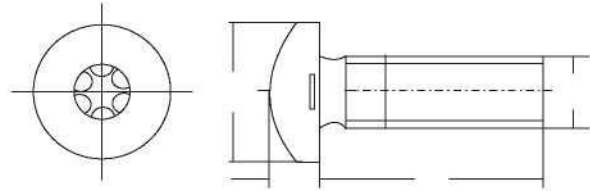


VÍT PAKE ĐẦU OVAL THÂN BULÔNG: DIN 966

Grades/Cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	M3	M4	M5	M6	M8
p	0,5	0,7	0,8	1	1,25
dk	5,6	7,5	9,2	11	14,5
k (max)	1,65	2,2	2,5	3	4
fa	0,75	1	1,25	1,5	2
Nr. Phillips (H)	1	2	2	3	4

TORX PAN HEAD MACHINE SCREWS DIN 7985-TX

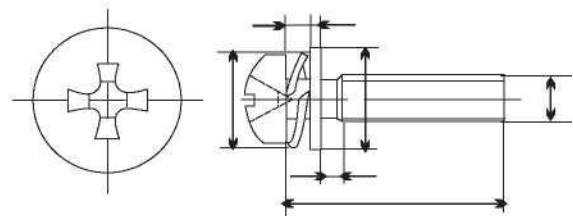


VÍT HOA KHÊ ĐẦU TRÒN THÂN BULÔNG: DIN 7985-TX

Grades/Cấp bền: 4.8/A2/A4

	M3	M4	M5	M6	M8
P	0,5	0,7	0,8	1	1,25
dk	6	8	10	12	16
k	2,4	3,1	3,8	4,6	6
Torx	TX 10	TX 20	TX25	TX 30	TX 30

PAN HEAD SCREWS, SINGLE COIL SPRING LOCK WASHER AND PLAIN WASHER ASSEMBLIES GB 9074.8

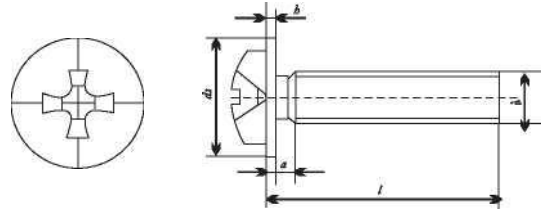


VÍT PAKE ĐẦU TRÒN LỒNG LONG ĐEN PHANG VÊNH: GB 9074.8

Grades/Cấp bền: 4.8/A2/A4

	M2.5	M3	M4	M5	M6	M8
a max	0.8	1.0	1.4	1.6	2.0	
da max	2.3	2.8	3.8	4.7	5.6	
h	0.5	0.5	0.8	1.0	1.6	
H	1.2	1.6	2.2	2.6	3.2	
d2	6	7	g	10	12	
d2'	4.34	5.23	6.78	8.75	10.71	

CROSS RECESSED TYPE I ROUND WASHER HEAD MACHINE SCREWS GB 9074.5

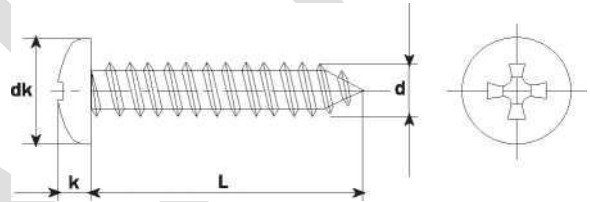


VÍT PAKE DẦU IRON LIEN LONG DEN: GB 9074.5

Grades/cấp bền: 4.8/ A2/ A4

a max					
b min	25	25	38	38	38
da max					
h	2.3	2.8	3.8	4.7	5.6
d2	6			10	12
l	6 ~ 25	8 ~ 30	10-35	12 ~ 40	14 ~ 50

PHILLIPS PAN HEAD SELF-TAPPING SCREWS DIN 7981 c

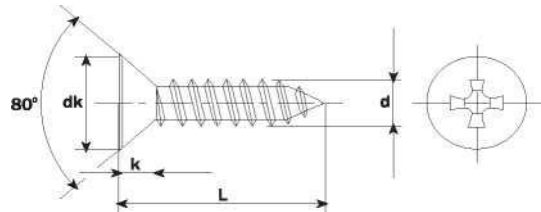


VIT GO OAU TRON: DIN 7981C

Grades/cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	ST2,9	ST3,5	ST3,9	ST4,2	ST4,8	ST5,5	ST6,3
p	1,1	1,3	1,3	1,4	1,6	1,8	1,8
dk	5,6	6,9	7,5	8,2	9,5	10,8	12,5
k	2,2	2,6	2,8	3,05	3,55	3,95	4,55
Nr. Phillips (H)	1	2	2	2	2	3	3
Nr. ISO	4	6	7	8	10	12	14

PHILLIPS FLAT HEAD SELF-TAPPING SCREWS DIN 7982C

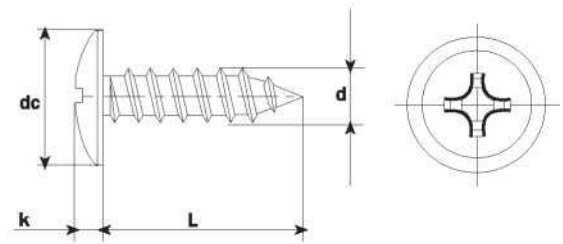


VIT GO OAU BANG: DIN 7982C

Grades/Cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	ST2,9	ST3,5	(ST3,9)	ST4,2	ST4,8	ST5,5	ST6,3
p	1,1	1,3	1,3	1,4	1,6	1,8	1,8
dk	5,5	6,8	7,5	8,1	9,5	10,8	12,4
k	1,7	2,1	2,3	2,5	3	3,4	3,8
Nr. Phillips (H)	1	2	2	2	2	3	3
Nr. ISO	4	6	7	8	10	12	14

PHILLIPS TRUSS HEAD SELF-TAPPING SCREWS DIN 7984C

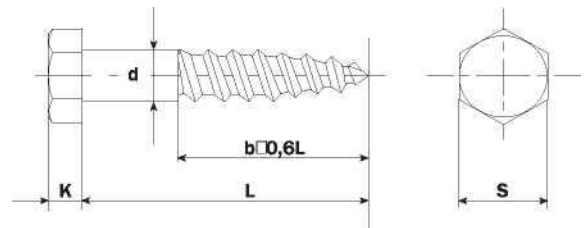


VÍT GỖ ĐẦU DÙ: DIN 7984C

Grades/Cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	3,5	3,9	4,2	4,8
p	1,3	1,3	1,4	1,6
dc (max)	9	10	10	11,5
k	2,3	2,5	2,6	2,7
Nr. Phillips (H)	2	2	2	2

HEXAGON HEAD WOOD SCREWS DIN 571

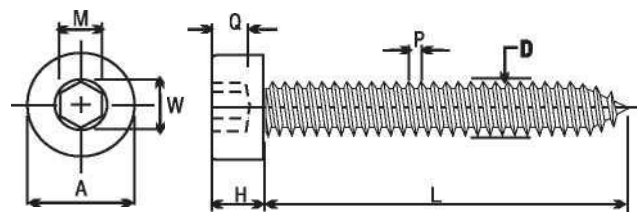


VÍT PHONG: DIN 571

Grades/cấp bền: 4.8/ A2/ A4

d	5	6	8	10	12	16	20
k	3,5	4	5,5	7	8	10	13
s	8	10	13	17	19	24	30

HEXAGON SOCKET HEAD SELF TAPPING SCREWS TYPE AB



VÍT GỖ ĐẦU LỤC GIÁC CHÌM

Grades/cấp bền: 4.8/A2/A4

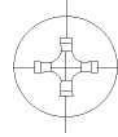
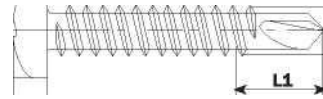
Size	A		H		w	M		M		D		p	Case Depth		Torsional						
	Min	Max	Min	Max	Min	Min	Max	Min	Max	Min	Max	=	Mm	Kg-cm							
M4.8	9.78	10.00	5.70	6.00	5.72	5.02	5.14	3.00	3.78	4.62	4.80	1.6	3.85	0.10-0.23	66						
M5.5	9.78	10.00	5.70	6.00	5.72	5.02	5.14	3.00	3.78	5.28	5.46	1.8	4.40	0.10-0.23	102						
M6.3	9.78	10.00	5.70	6.00	5.72	5.02	5.14	3.00	3.78	6.03	6.25	1.8	5.10	0.15-0.28	143						
Nominal length	L	13 mm		16 mm		19 mm		22 mm		25 mm		32 mm		38 mm		45 mm		50 mm		60 mm	
	Max	13.80		16.80		19.80		22.80		25.80		33.30		39.30		46.30		51.30		61.30	
	Min	12.20		15.20		18.20		21.20		24.20		30.70		36.70		43.70		48.70		58.70	

PHILLIPS PAN HEAD SELF-DRILLING SCREWS DIN 7504-N

GNC BAN PHÁT



dk
X
k



VÍT TỰ KHOAN ĐẦU TRÒN: DIN 7504-N

Grades/Cấp bền: A2

ST2,9	ST3,5	ST(3,9)	ST4,2	ST4,8	ST5,5	
p= Pitch/Bước ren	1,1	1,3	1,3	1,4	1,6	1,8
dk	5,6	6,9	7,5	8,2	9,5	10,8
k	2,2	2,6	2,8	3,05	3,55	3,95
L1	4,5	5	6	7	8	9
Nr. Phillips (H)	1	2	2	2	2	3
Nr. ISO	4	6	7	8	10	12

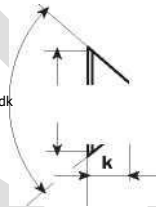
PHILLIPS COUNTERSUNK HEAD SELF-DRILLING SCREWS

DIN 7504-P

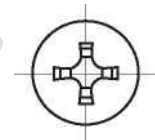


3^

80° dk



L1



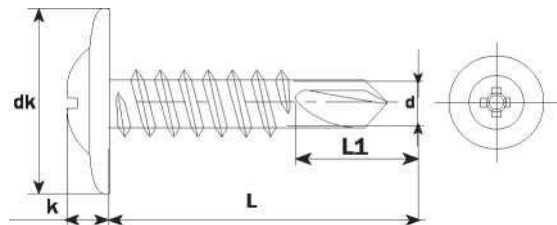
Vít tự khoan đầu bẹt: DIN 7504-P

Grades/cấp bền: A2

ST3,5	ST(3,9)	ST4,2	ST4,8	ST5,5	
d	3,5	3,9	4,2	4,8	5,5
p= Pitch/Bước ren	1,3	1,3	1,4	1,6	1,8
dk	6,8	7,5	8,1	9,5	10,8
L1	5	6	7	8	10
Nr. Phillips (H)	2	2	2	2	3
Nr. ISO	6	7	8	10	12

PHILLIPS TRUSS HEAD SELF-DRILLING SCREWS

DIN 7504-T

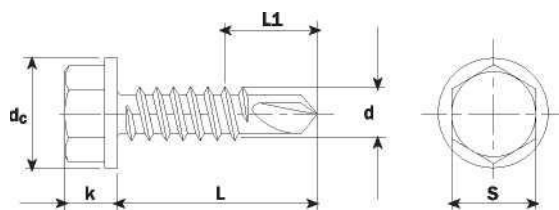


VÍT TỰ KHOAN ĐẦU DÙ: DIN 7504-T

Grades/cấp bền: A2

ST2,9	ST3,5	ST(3,9)	ST4,2	ST4,8	ST5,5	
P=Pitch/Bước ren	1,1	1,3	1,3	1,4	1,6	1,8
dk	8,8	9,5	10,1	10,7	11,2	11,7
k	2,2	2,6	2,8	3,05	3,55	3,95
L1	4,5	5	6	7	8	9
Nr. Phillips (H)	1	2	2	2	2	3
Nr. ISO	4	6	7	8	10	12

HEXAGON HEAD SELF-DRILLING SCREWS WITH COLLAR **DIN 7504-K**



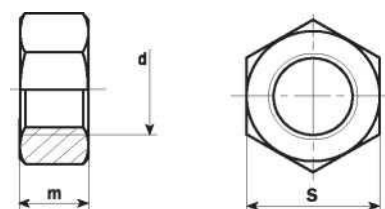
VIT BAN TON: DIN 7504-K

Grades/Cip bin: A2

«*	ST3,5	ST4,2	ST4,8	ST5,5	ST6,3
p	1	1,4	1,6	1,8	1,8
dc	8,3	8,8	10,5	11	13,2
k (max)	3,45	4,25	4,45	5,45	6,45
S	5,5	7	8	8	10
L1	6	7	9	11	12
Nr. ISO	6	8	10	12	14

HEXAGON NUTS

DIN 934



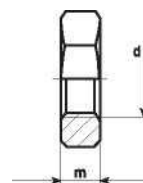
DAI OC (ECU) DIN 934

Grades/Ča'p bin: 5/ 8/10/ A2/ A4

	0,5	0,7	0,8	6	M7	8	M10	M12	M14
P	0,5	0,7	0,8	1	1	1,25	1,5	1,75	2
m	2,4	3,2	4	5	5,5	6,5	8	10	11
s	5,5	7	8	10	11	13	17/16*	19/18*	22/21*
	M16	M18	M22	M24	M27	M33	M36		
P	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	3,5	4
m	13	15	16	18	19	22	24	26	29
s	24	27	30	32/34*	36	41	46	50	55

HEXAGON THIN NUTS

DIN 439D



DAI OC (ECU) DIN 439B

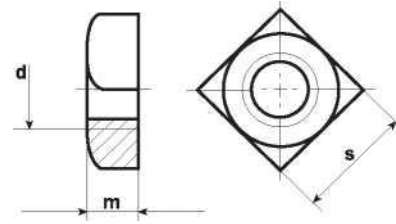
Grades/ČS'p bin: 5/ 8/10/ A2/ A4

	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2
P	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2
m	1,8	2,2	2,7	3,2	4	5	6	7
s	5,5	7	8	10	13	17/16*	19/18*	22/21*
EI	M16	M18	M20	M22	M24	M27	M30	M33
p	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	3,5
m	8	9	10	11	12	13,5	15	16,5
s	24	27	30	32/34*	36	41	46	50



SQUARE NUTS

DIN 557



DAI OC (ECU) VUONG: DIN 557

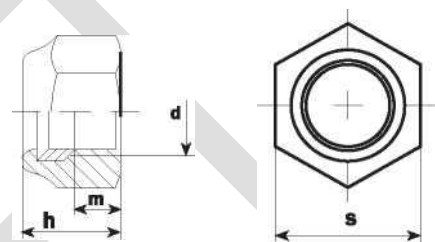
Grades/Cấp bin: 5/ A2

EHE

P	0,8	6,5	8	10	13	16
---	-----	-----	---	----	----	----

HEXAGON NUTS WITH NYLON INSERT (NYLON LOCK NUTS)

DIN 958



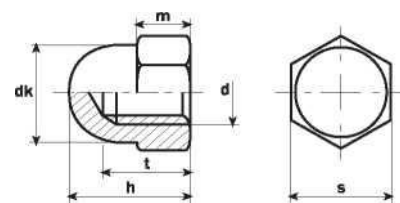
DAI OC (ECU) KHOA DIN 985

Grades/Cấp bin: 8/10/ A2/ A4

	5 M6		M7 M8 M10 M12				M14	M16	M18		
p	0,5	0,7	0,8	1	i	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5
s	5,5	7	8	10	ii	13	17/16*	19/18*	22/21*	24	27
h	4	5	5	6	7,5	8	10	12	14	16	18,5
d	M20	M22	M24	M27	M30	M33	M36	M39	M42	M45	
P	2,5	2,5	3	3	3,5	3,5	4	4	4,5	4,5	5
s	30	32/34*	36	41	46	50	55	60	65	70	75
h	20	22	24	27	30	33	36	39	42	45	48

HEXAGONDOMED CAP NUTS, HIGH TYPE

DIN 1587

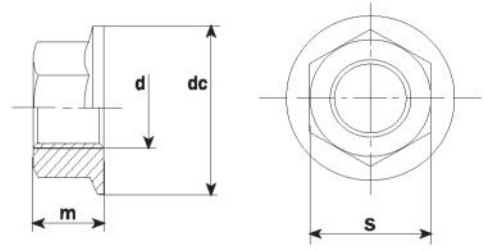


DAI OC (ECU) MÜ: DIN 1587

Grades/Cấp bin: 5/ A2/ A4

p	0,7	0,8	1	1,25	1,50	1,75
m (max)	3,2	4	5	6,5	8	10
dk (max)	6,5	8	10	13	17/16*	19/18*
	5,5	7,5	12	15	18	22
		7,5	8	12,5	16	18
			8	11	13	16
P	2	2	2,5	2,5	2,5	3
m (max)	11	13	15	16	18	19
s	22/21»	24	27	30	32/34*	36
h	25	28	32	34	39	42
dk (max)	21	23	26	28	31	34
	18	21	25	26	29	31

HEXAGON FLANGE NUTS **DIN 6923**



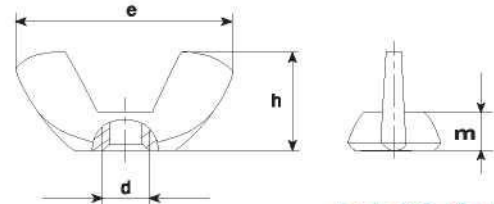
ĐAI ỐC (ECU) LIỀN LONG ĐEN: DIN6923

Grades/Cấp bền: 8/ A2

d	M5	M6	M8	M10	M12	M14	M16	M20
P	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5
m	5	6	8	10	12	14	16	20
s	8	10	13	15	18	21	24	30
dc	11,8	14,2	17,9	21,8	26	29,9	34,5	42,8

WING NUTS

DIN 315

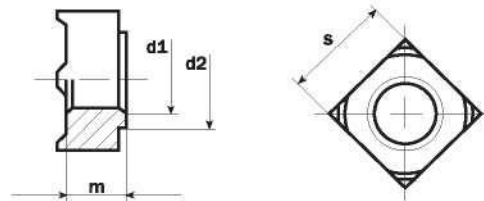


ĐAI ỐC (ECU) TAI HỒNG: DIN 315

Grades/Cấp bền: 5/ A2

d	M4	M5	M6	M8	M10	M12	M14	M16	M20	M24
P	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	3
m (min)	3,2	4	5	6,5	8	10	11,2	13	16	20
e (max)	20	26	33	39	51	65	65	73	90	110
h (max)	10,5	13	17	20	25	33,5	33,5	37,5	46,5	56,5

SQUARE WELD NUTS **DIN 928**



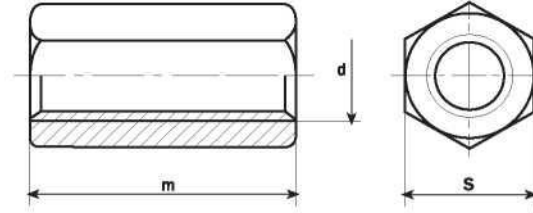
ĐAI ỐC (ECU) HẠNG 4 CHANH: DIN 928

Grades/cấp bền: 8/A2

d1	M4	M5	M6	M8	M10	M12	M14	M16
p	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2
m (h14)	3,5	4,2	5	6,5	8	9,5	11	13
s (h14)	7	9	10	14	17	19	22	24
d2 Agujero/Hole ø (H11)	6	7	8	10,5	12,5	14,8	16,8	18,8

HEXAGON CONNECTION NUTS-HEIGHT 3xd

DIN 6334

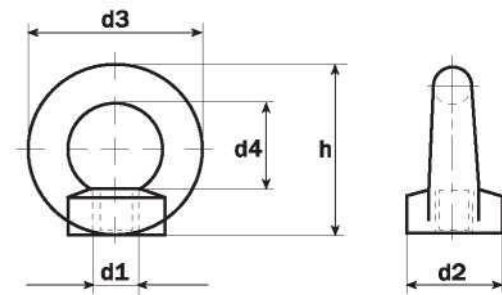


Đai ốc (Ecu) nối ren: DIN 6334

Grades/Cấp bền: 10/ A2/ ST

d	M5	M6	M8	M10	M12	M14	M16	M20	M24	M27	M30
P	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	3	3	3,5
m	15	18	24	30	36	42	48	60	72	81	90
s	8	10	13	17	19	22	24	30	36	41	46

SPHERICAL LIFTING EYE NUTS **DIN 582**



ĐAI ỐC (ECU) MẶT: DIN 582

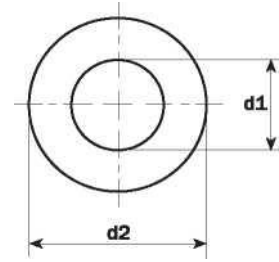
Grades/Cấp bền: 8/ A2

d1	M8	M10	M12	M16	M24		
P	1,25	1,5	1,75	2	2,5	3	3,5
d2	20	25	30	35	40	50	65
d3	36	45	54	63	72	90	108
d4	20	25	30	35	40	50	60
h	36	45	53	62	71	90	109

d1	M36	M42	M48	M56	M64	M72
P	4	4,5	5	5,5	6	6
d2	75	85	100	110	120	150
d3	126	144	166	184	206	260
d4	70	80	90	100	110	140
h	128	147	168	187	208	260

FLAT WASHERS

DIN 125-A



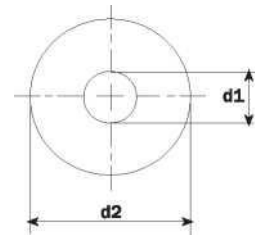
LONG ĐEN (ĐẼM) PHANG: DIN 125-A

Grades/cấp bền: ST/A2/A4

	M10		M12	M14	M16	M18	M20	M22	M24	M27
d2	10,5	12	14	16	18	20	22	24	28	30
	0,5	0,8	1,0	1,2	1,6	1,6	1,6	2,0	2,5	2,5
di	10	12	14	16	18	20	22	24	28	30
d2	30	34	37	39	44	50	56	60	66	

FLAT WASHERS D2-3XD1

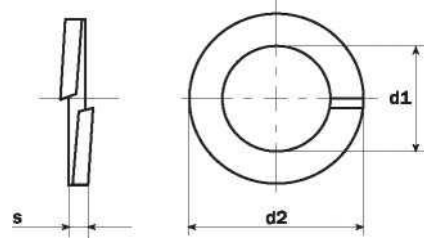
DIN 9021



LONG ĐEN (ĐẼM) PHANG: DIN 9021

Grades/cấp bền: ST/A2/A4

d nom.	M3	M4	M5	M6	M7
d1 (min)	3,2	4,3	5,3	6,4	7,4
d2 (max)	9	12	15	18	22
s	0,8	1	1,2	1,6	2
d nom.	M8	M10	M12	M14	M16
d1 (min)	8,4	10,5	13	15	17
d2 (max)	24	30	37	44	50
s	2	2,5	3	3	3
d nom.	M18	M20	M24		
d1 (min)	20	22	26		
d2 (max)	56	60	72		
s	4	4	5		

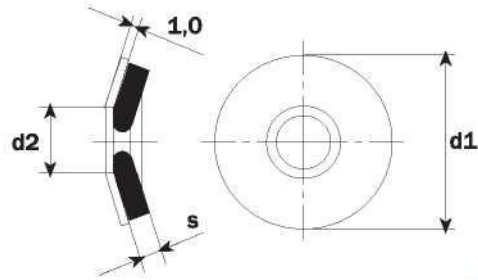


LONG ĐEN (ĐỆM) VENH: DIN 127-B

Grades/cấp bền: FST/A2/A4

d nom.	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M10	M12
d1 (min)	3,1	4,1	5,1	6,1	7,1	8,1	10,2	12,2
d2 (max)	6,2	7,6	9,2	11,8	12,8	14,8	18,1	21,1
s	0,8	0,9	1,2	1,6	1,6	2	2,2	2,5
d nom.	M14	M16	M18	M20	M22,5	M24	M27	M30,5
d1 (min)	14,2	16,2	18,2	20,2	22,5	24,5	27,5	30,5
d2 (max)	24,1	27,4	29,4	33,6	35,9	40	43	48,2
s	3	3,5	3,5	4	4	5	5	6

EPDM-BONDED WASHER



LONG ĐEN (ĐỆM) CAO SU EPDM

Grades/Cấp bền: ST/ A2

d1	16	18	22	25
d2	6,7	6,7	6,7	6,7
s	2	3	3	3

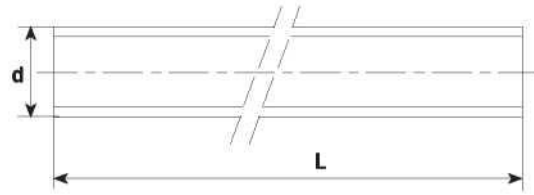
THREADED RODS - LENGTH 1 METER DIN 975



L: 1000¹

THANH REN - CHIỀU DÀI 1 MÉT: DIN 975

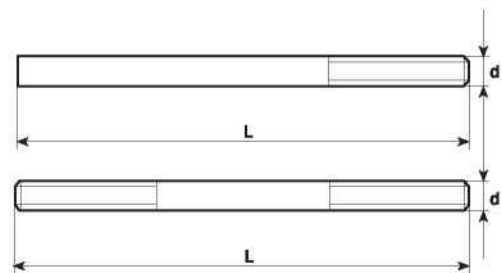
d	M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12	M14	M16	M18	M20
P	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	2,5
d	M22	M24	M27	M30	M33	M36	M39	M42	M45	M48	M52
P	2,5	3	3	3,5	3,5	4	4	4,5	4,5	5	5



TY REN: DIN 976-A

d	M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12	M16	M20	M24	M30
P	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2,00	2,50	3,00	3,50

THREADED RODS



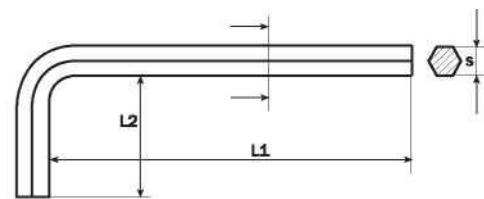
GuZöng:

d	M3	M4	M5	M6	M8	M10	M12	M14
P	0,5	0,7	0,8	1	1,25	1,5	1,75	2

d	M16	M18	M20	M22	M24	M27	M30	M33
P	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	3,5

HEXAGON SOCKET SCREW KEYS

DIN 911



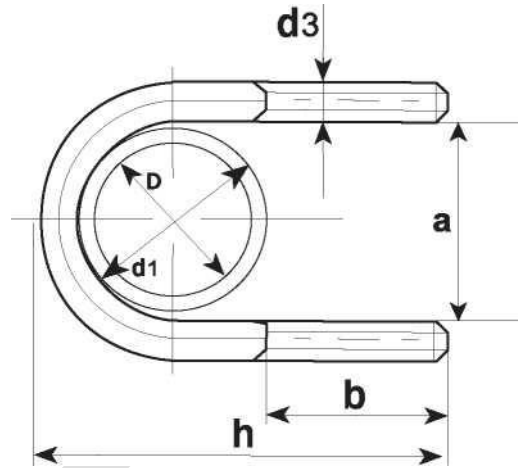
s	mm	0,7	0,9	1,27	1,3	1,5	2	2,5	3
L1	corto	30	32	45	45	45	50	56	63
	largo	-	-	-	-	-	-	112	126
L2		10	10	14	14	14	16	18	20

s	mm	3,5	4	4,5	5	6	7	8	10
L1	corto	68	71	75	80	90	95	100	112
	largo	-	142	-	160	180	190	200	224
L2		22	25	27	28	32	34	36	40

s	mm	11	12	14	17	19	22	24	27
Li	corto	118	125	140	160	180	200	224	250
	largo	236	250	280	320				
L2		42	45	55	60	70	80	90	100

U BOLTS

DIN 3570



U-BOLTS: DIN 3570

To use by pipes from Sử dụng cho các loại ống

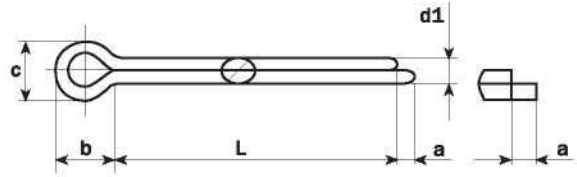
Nominal size Kích thước ống (mm)	Inside wideness "a" ĐK trong của u (mm)	Thread "d3" Đường kính ren (mm)	Thread length "b" Chiều dài ren (mm)	Hipht "h" Chiều cao u (mm)	Outsize "d1" ĐK ngoài ống (mm)	Nominal size "D" (ĐK trong ống) (mm)
DN 15	23	M6/M8/M10	30	60	22	15 1/8"
DN 20	30	M6/M8/M10	40	70	25 / 26,9	20 3/4"
DN 25	38	M6/M8/M10/M12	40	76	30 / 33,7	25 1"
DN 32	46	M6/M8/M10/M12	50	86	38/42,4	32 1 1/4"
DN 40	52	M6/M8/M10/M12	50	92	44,5/ 48,3	40 1 1/2"
DN 50	64	M6/M8/M10/M12	50	109	57 / 60,3	50 2"
DN 65	82	M6/M8/M10/M12	50	125	76,1	65 2 1/2"
DN 80	94	M6/M8/M10/M12	50	138	88,9	80 3"
DN 100	120	M6/M8/M10/M12/M16	60	171	108/114,3	100 4"
DN 125	148	M10/M12/M16	60	191	133/139,7	125 5"
DN 150	176	M10/M12/M16	60	217	159/168,3	150 6"
DN 175	202	M10/M12/M16	60	249	191/193,7	175 7"
DN 200	228	M10/M12/M16/M20	70	283	216/219,1	200 8"
DN 250	282	M10/M12/M16/M20	70	334	267 / 273	250 10"
DN 300	332	M10/M12/M16/M20	70	385	318/323,9	300 12"
DN 350	378	M12/M16/M20/M24	70	435	355,6 / 368	350 14"
DN 400	428	M12/M16/M20/M24	70	487	406,4/ 419	400 16"
DN 500	530	M12/M16/M20/M24	70	589	508 / 521	500 20"

Grades/cấp bền:

700 N/mm

> 800 N/mrn² <1040 N/mm² > 1040 N/mm²

SPLIT PIN (COTTER PINS) **DIN 94**

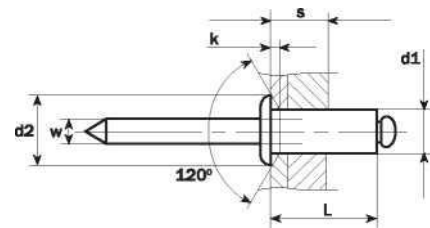


CHỐT CHÈ: DIN 94

Grades/Cấp bền: ST/ A2

d (nom)	1	1,6	2	2,5	3,2	4
d1 (min)	0,9	1,4	1,8	2,3	2,9	3,7
(max)	0,8	1,3	1,7	2,1	2,7	3,5
a (max)	1,6	2,5	2,5	2,5	3,2	4
b	3	3,2	4	5	6,4	8
c (min)	1,6	2,4	3,2	4	5,1	6,5
(max)	1,8	2,8	3,6	4,6	5,8	7,4
d (nom)	5	6,3	8	10	13	16
d1 (min)	4,6	5,9	7,5	9,5	12,4	15,4
(max)	4,4	5,7	7,3	9,3	12,1	15,1
a (max)	4	4	4	6,3	6,3	6,3
b	10	12,6	16	20	26	32
c (min)	8	10,3	13,1	16,6	21,7	27
(max)	9,2	11,8	15	19	24,8	30,8

DOMED HEAD DLIND RIVETS **DIN 7337'A**

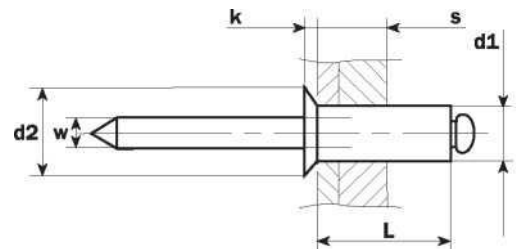


ĐINH RÚT ĐẦU CHẬU: DIN 7337-A

Grades/cấp bền: A1; ST; A2/ ST; A2 / A2

d2	2,4	3,0	3,2	8	4,8	5,0	6,0	6,1
	5	6,5	6,5	1	9,5	9,5	12	13
k	0,55	0,8	0,8					
Drille	2,5	3,1	3,3	4.1	U	1,1	1,5	1,8
w	1,45	1,8	1,8	2.2	4,9	5,1	6,1	6,5

COUNTERSUNK HEAD RUND RIVETS **DIN 7337-B**

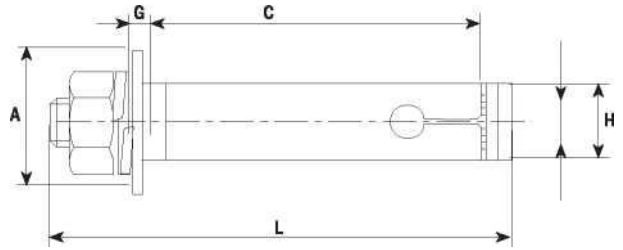


ĐINH RÚT ĐẦU BẰNG: DIN 7337-B

Grades/Cấp bền: AL/ ST; A2/ ST; A2 / A2

d2	3	3,2	4,0	4,8	5,0
	6	6	7,5	9	9
k	0,90	0,9	1	1,20	1,2
Drille	3	3,3	4,1	4,90	4,9
w	1,8	1,8	2,2	2,75	2,75

STAINLESS STEEL ANCHOR BOLTS

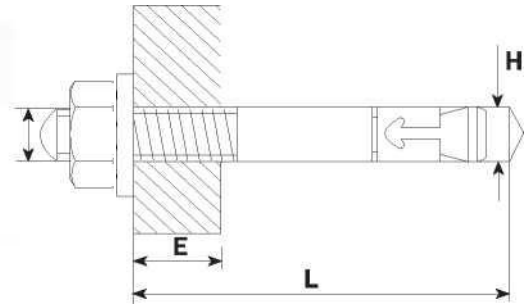


TẮC KÊ NỖ ỐNG

Grades/cấp bền: 6.8/8.8/A2



Anchor size	Outside Dia
	H x C x Thickness
M6x50	08 x 35 x 0.6 08 x 40 x 0.6 08 x 50 x 0.6
M6x60	0.6 08 x 60 x 0.6
M6x70	010x40x0.8 010 x 50 x 0.8
M6x80	010x60x0.8 010 x 70 x 0.8
M8x60	010x75x0.8
M8x70	010 x 85 x 0.8
M8x80	012 x 35 x 1xT^
M8x90	012 x 40 x 1.0
M8x100	012 x 55 x 1.0
M8x120	012 x 70 x 1.0
M10x60	012 x 80 x 1.0
M10x70	012 x 90 x 1.0
M10x80	014 x 50 x 1.2
M10x90	014 x 60 x 1.2
M10x100	014 x 70 x 1.2
M10x110	014 x 80 x 1.2
M10x120	014 x 90 x 1.2
M12x80	014x120x1.2 018 x 60 x 1.5 018 x 80 x 1.5 020 x 80 x 1.5 020 x 100 x 1.5



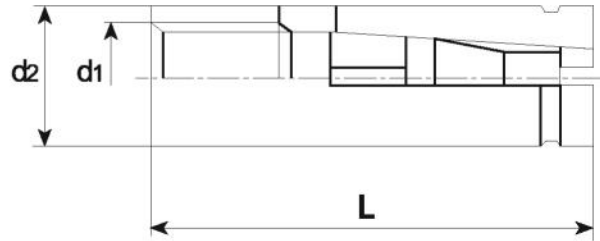
TAC KE N6 RUT

Grades/Cip bgn: 6.8/ 8.8/ A2



Anchor size Outside Dia	
M6x55	Φ6
M6x70	Φ6
M6x80	Φ6
M6x90	Φ6
M6x100	Φ6
M6x120	Φ6
M6x150	Φ6
M8x60	Φ8
M8x70	Φ8
M8x80	Φ8
M8x90	Φ8
M8x100	Φ8
M8x120	Φ8
M8x150	Φ8
M8x200	Φ8
M10x60	Φ10
M10x70	Φ10
M10x80	Φ10
M10x90	Φ10
M10x100	Φ10
M10x120	Φ10
M10x150	Φ10
M10x180	Φ10
M10x200	Φ10
M12x80	Φ12
M12x90	Φ12
M12x100	Φ12
M12x120	Φ12
M12x150	Φ12
M12x180	Φ12
M12x200	Φ12
M16x100	Φ16
M16x120	Φ16
M16x150	Φ16
M16x180	Φ16
M16x200	Φ16
M20x120	Φ20
M20x150	Φ20
M20x200	Φ20

DROP IN ANCHOR

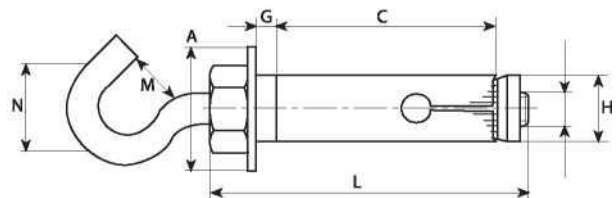


TẮC KE NỖ DÔNG

Grades/Cip hin: 5/A2

Size	Thread	Dia	A Thread Depth	B Length
M6*8*25	M6	8mm	11,5mm	25mm
M8*10*30	M8	10mm	13mm	30mm
M10*12*40	M10	12mm	16mm	40mm
M12* 16*50	M12	16mm	21mm	50mm
M 16*20*65	M16	20mm	30.5mm	65mm
M20*25*80	M20	25mm	35mm	80mm

SLEEVE ANCHORS - OPEN EYE ROLT

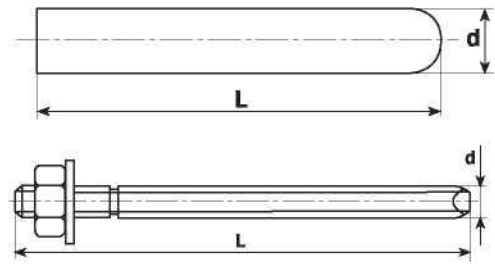


TẮC KE NỖ MÖC

Grades/cip bin: 4.6/ A2

M	M6x45	M6x45	M8x60	M10x70	M12x80
o drill "H"	8	9	10	12	16
hole depth min.	50	50	60	75	80
Max fixture thickness	-	-	-	-	-
Min substrate thickness	100	100	100	100	110
Pull out-load kn	0,45	0,45	1,00	1,50	2,00
shear load kn	-	-	-	-	-
L	55	55	65	80	85
Sizes mm C	30	30	40	48	55
G	5	5	5	5	5
A	18	18	20	23,5	30
M/N	10/20	10/20	12/26	14/31	22/43

RESIN CAPSULES



HOÁ CHẤT CAY NÔ

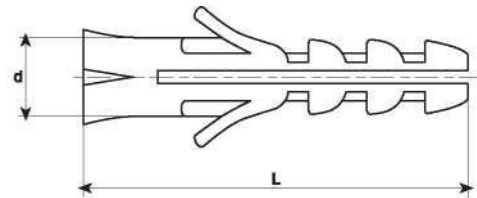
Grades/Cấp bán: 4.8/ 8.8/ A2

M	8	10	12	16	20	24	30
o drill "d"	10	12	14	18	25	28	35
capsule length "L"	80	80	95	95	170	210	265
Hole depth max	80	90	110	125	170	210	280
Max fixture thickness	17	25	32	44	66	62	22
Min substrate thickness	130	140	160	175	220	260	330
Pull out-load kn	4	7	10	15	27	37	60
shear load kn	4	7	10	15	27	37	60

Threaded studs - For chemical anchors

		M10	M12	M16	M20	M24	
L	110	130	160	190	260	300	330

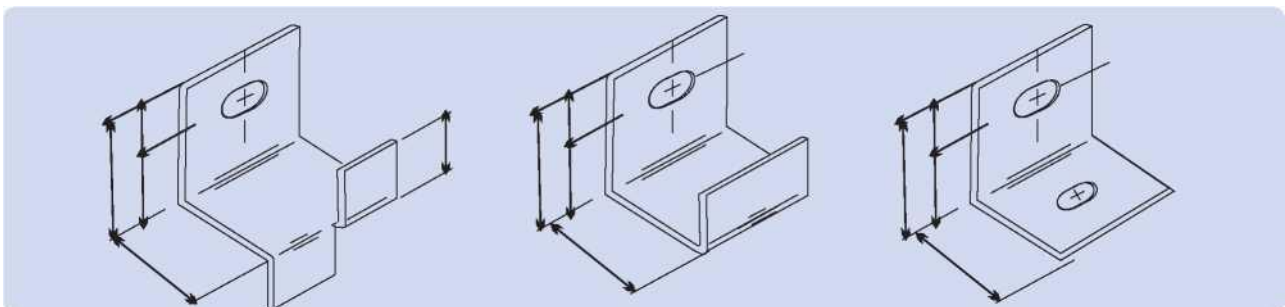
WALL PLUGS-NYLON



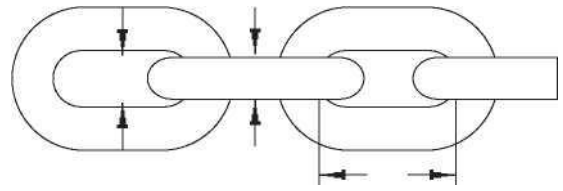
NỖ NHỰA

d	4	5	6	7	8	10	12	14
l	20	25	30	37	40	50	60	80
o drill	4	5	6	7	8	10	12	14
drill depth	25	35	40	45	55	70	80	100

MOC, BÁT TREO DA



ROUND CHAIN DIN 763/764/766



XICH HAN DIN 763/1976

Round Diameter m/m	Inside Length m/m	Outaide Width m/m	Working Load Kg	Test Load N	Breaking Load min n	Weigth Kg/m
4	32	16	100	2500	6000	0.27
5	35	20	160	4000	10000	0.43
6	42	24	200	5000	12500	0.63
7	49	28	300	8000	18000	0.86
8	52	32	400	10000	25000	1.10
10	65	40	630	16000	40000	1.75
13	82	52	1000	25000	63000	2.95
16	100	64	1600	40000	100000	4.45
20	125	75	2600	52000	160000	7.00
22	140	88	4839	96785	193570	8.54

XICH HAN DIN 764/1976

Round Diameter m/m	Inside Length m/m	Outaide Width m/m	Test Load N	Breaking Load min n	Weigth Metre Kg/m
6	21	20	225	450	0.75
8	28	27	500	1000	1.34
10	35	34	950	1900	2.10
12	42	41	1350	2700	2.95
14	49	48	1850	3700	4.00
16	56	54	2500	5000	5.20
18	63	60	3000	6000	6.50
20	70	67	3800	7600	8.00
22	77	75	4600	9200	10.00
25	88	85	5900	11800	12.80

XICH HAN DIN 766/1976

Round Diameter m/m	Inside Length m/m	Inside width (mm) m/m	Outaide width (max) m/m	Working load m/m	Test load Kg	Breaking load Kg	Weigth Kg
4	16	4.8	13.6	176	0.32	200	8
5	18.5	6	17	203.5	0.50	320	12.5
6	15.8	7.2	20.4	203.5	0.80	400	16
7	22	8.4	23.8	242	1.10	630	25
8	24	9.6	27.2	264	1.40	800	32
9	27	10.8	30.6	297	1.80	1000	40
10	28	12	36	308	2.30	1250	50
11	31	13.2	40	341	2.70	1600	63
13	36	15.6	47	396	3.90	2000	80
14	41	16.8	50	451	4.40	2500	100
16	45	19.2	58	495	5.80	3200	125
18	50	21.6	65	550	7.40	4000	160
20	56	24	72	616	9.00	5000	200
23	64	27.6	83	704	12.00	6300	250
26	73	31.2	94	803	15.00	8000	320

Ty Ren Xuyên Suốt

[Thread Rod]



Mã sản phẩm Item code	Ren M (mm)	Le (mm)	Cường độ Intensity
CTRS-M6	6	50-3000	4.6, 5.6, 8.8
CTRS-M8	8		
CTRS-M10	10		
CTRS-M12	12		
CTRS-M16	16		
CTRS-M18	18		
CTRS-M20	20		
CTRS-M22	22		



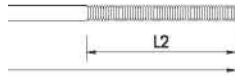
Treo hệ thống cơ điện bằng ty ren xuyên suốt

M&E systems are hung by thread rods

Ty Ren 2 Đầu

[Double Head Thread Rod]

M



Mã sản phẩm Item code	Ren M (mm)	Chiều dài L1/L2 L (mm)	Cường độ Intensity
CTRD-M6	50-3000	5-200	4.6, 5.6, 8.8
CTRD-M8			
CTRD-M10			
CTRD-M12			
CTRD-M16			
CTRD-M18			
CTRD-M20			
CTRD-M22			
CTRD-M24			



Giăng kết cấu mái bằng ty ren 2 đầu

Strengthening roof structure by double head thread rod

Kẹp ống Không Đế 2 Lô

[Two Hole Trap/Without Saddle]



Sử dụng ống ren C JIS C83Q5 (Japan)		Sử dụng ống ren BS31/BS4568 (UK)		Sử dụng ống ren tron EMT UL 797 (USA)		Sử dụng ống ren IMC UL 1242 (USA)	
Pipe JIS C 8305 (Japan)	Pipe BS31 /BS4568 (UK)	Pipe EMT UL 797 (USA)	Pipe IMC UL1242 (USA)				
Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter	Item code	Diameter	Item code	Diameter	Item code	Diameter
HCKD-J19	19	HCKD-UK19/20	19/20	HCKD-USE1/2	1/2	HCKD-US11/2	1/2
HCKD-J25	25	HCKD-UK25	25	HCKD-USE3/4	3/4	HCKD-US13/4	3/4
HCKD-J31	31	HCKD-UK32	32	HCKD-USE1	1	HCKD-US11	1
HCKD-J39	39	HCKD-UK38	38	HCKD-USE11/4	11/4	HCKD-US111/4	11/4
HCKD-J51	51	HCKD-UK50	50	HCKD-USE11/2	11/2	HCKD-US111/2	11/2
HCKD-J63	63			HCKD-USE2	2	HCKD-US12	2
HCKD-J75	75						

Kẹp ống Không Đế 1 Lô

[One Hole Trap/Without Saddle]



Sử dụng ống ren c		Sử dụng ống ren tron EMT		Sử dụng ống ren IMC	
JIS C 8305 (Japan)		UL 797 (USA)		UL 1242 (USA)	
Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter	Item code	Diameter	Item code	Diameter
HCOL-J19	19	HCOL-USEI/2	1/2	HCOL-USI1/2	1/2
HCOL-J25	25	HCOL-USE3/4	3/4	HCOL-USI3/4	3/4
HCOL-J31	31	HCOL-USEI	1	HCOL-USI1	1
HCOL-J39	39	HCOL-USEII/4	11/4	HCOL-USII/4	11/4
HCOL-J51	51	HCOL-USE11/2	11/2	HCOL-USI11/2	11/2
HCOL-J63	63	HCOL-USE2	2	HCOL-USI2	2
HCOL-J75	75				

Kẹp ống Có Đế

[Saddle With Base]



Sử dụng ống ren c JIS C 8305 (Japan)		Sử dụng ống ren BS31/BS4568 (UK)		Sử dụng ống ren tron EMT' UL 797 (USA)		Sử dụng ống ren IMC UL 1242 (USA)	
Pipe JIS C 8305 (Japan)		Pipe BS31/BS4568 (UK)		Pipe EMT UL 797 (USA)		Pipe IMC UL 1242 (USA)	
Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter	Item code	Diameter	Item code	Diameter	Item code	Diameter
HCKG-J19	19	HC KG-U KI 9/20	19/20	HCKG-USEI/2	1/2	HCKG-USII/2	1/2
HCKG-J25	25	HCKG-UK25	25	HCKG-USE3/4	3/4	HCKG-USI3/4	3/4
HCKG-J31	31	HCKG-UK32	32	HCKG-USE1	1	HCKG-USI1	1
HCKG-J39	39	HCKG-UK38	38	HCKG-USE11/4	11/4	HCKG-USI11/4	11/4
HCKG-J51	51	HCKG-UK50	50	HCKG-USE11/2	11/2	HCKG-USI11/2	11/2
HCKG-J63	63			HCKG-USE2	2	HCKG-USI2	2
HCKG-J75	75						

Kẹp Clevis 1 & 2

clevis 1 & 2 Pipe Hanger



Mã sản phẩm	Đường kính ống	Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter	Item code	Diameter
HCV1-D90	90	HCV2-D90	90
HCV1-D114	114	HCV2-D114	114
HCV1-D140	140	HCV2-D140	140
HCV1-D168	168	HCV2-D168	168
HCV1-D216	216	HCV2-D216	216
HCV1-D270	270	HCV2-D270	270

Pat Omega

Omega Patch



Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter
HCOM-D21	21
HCOM-D27	27
HCOM-D34	34
HCOM-D42	42
HCOM-D49	49
HCOM-D60	60
HCOM-D76	76
HCOM-D90	90
HCOM-D114	114
HCOM-D140	140
HCOM-D168	168
HCOM-D216	216

Kẹp 2 C Đứng

2C Horizontal Hanger



Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter
HCCD-D21	21
HCCD-D27	27
HCCD-D34	34
HCCD-D42	42
HCCD-D49	49
HCCD-D60	60



Kẹp CO

CO Hanger

Mã sản phẩm Item code	Đường kính ống Diameter
HCCO-D21	21
HCCO-D27	27
HCCO-D34	34
HCCO-D42	42
HCCO-D49	49
HCCO-D60	60
HCCO-D76	76
HCCO-D90	90
HCCO-D114	114
HCCO-D140	140
HCCO-D168	168
HCCO-D216	216



Kẹp Ong Bản Lề

Hinged Pipe clamp

Mã sản phẩm Item code	Đường kính ống Diameter
HCCN-D21	21
HCCN-D27	27
HCCN-D34	34
HCCN-D42	42
HCCN-D49	49
HCCN-D60	60
HCCN-D76	76
HCCN-D90	90
HCCN-D114	114
HCCN-D140	140
HCCN-D168	168
HCCN-D216	216

Kẹp O

O Hanger



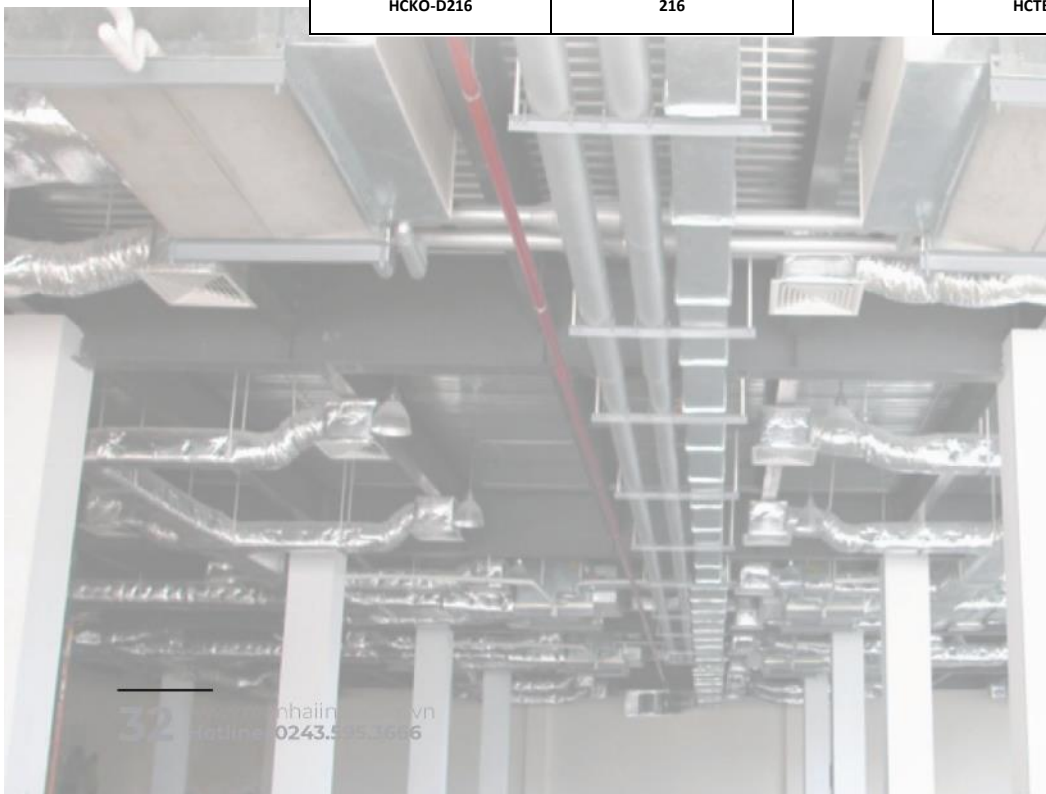
Mã sản phẩm Item code	Đường kính ống Diameter
HCKO-D21	21
HCKO-D27	27
HCKO-D34	34
HCKO-D42	42
HCKO-D49	49
HCKO-D60	60
HCKO-D76	76
HCKO-D90	90
HCKO-D114	114
HCKO-D140	140
HCKO-D168	168
HCKO-D216	216



Kẹp ống Trái Bí

Swivel Loop Hanger

Mã sản phẩm Item code	Đường kính ống Diameter
HCTB-D21	21
HCTB-D27	27
HCTB-D34	34
HCTB-D42	42
HCTB-D49	49
HCTB-D60	60
HCTB-D76	76
HCTB-D90	90
HCTB-D114	114
HCTB-D140	140
HCTB-D168	168
HCTB-D216	216



Kẹp Cỡ Định Trên Thanh C

One piece Strut clamp



Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter
HSTC-D19	19
HSTC-D25	25
HSTC-D31	31
HSTC-D39	39
HSTC-D51	51
HSTC-D63	63
HSTC-D75	75

Kẹp Xả Gồ 1 & 2

Beam clamp I & 2



Mã sản phẩm	Kích cỡ ty M	Mã sản phẩm	Kích cỡ ty
Item code	(mm)	Product code	M
HSX11-M10	10	HSX12-M10	10
HSX11-M12	12	HSX12-M12	12
HSX11-M16	16	HSX12-M16	16

Đầu Cài Lò Xo

Long Spring Nut



Mã sản phẩm	Kích cỡ ty
Item code	M
HSLX-M6	6
HSLX-M8	8
HSLX-M10	10
HSLX-M12	12
HSLX-M16	16

Kẹp Treo ống và Ty

Conduit Clamp with Thread Rod



Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter
HSTY-D19	19
HSTY-D25	25
HSTY-D31	31
HSTY-D39	39
HSTY-D51	51
HSTY-D63	63
HSTY-D75	75

Kẹp ống K

Long Spring Nut



Mã sản phẩm	Đường kính ống
Item code	Diameter
HSOK-D19	19
HSOK-D25	25
HSOK-D31	31



Thanh Ray C

Rail C



Có đục lỗ-ucs				Không đục lỗ-uc				Không đục lỗ-uc		
With hole - UCS				Without hole - UC				Without hole - UC		
Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dài	Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dài	Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao
Item code	Width	Height	Length	Item code	Width	Height	Length	Item code	Width	Height
HCRC-OW41H41L3000	41	41	3000	HCRC-W41H41L3000	41	41	3000	HCRC-W41H41	41	41
HCRC-OW41H21L3000	41	21	3000	HCRC-W41H21L3000	41	21	3000	HCRC-W41H21	41	21
HCRC-OW82H41L3000	82	41	3000	HCRC-W82H41L3000	82	41	3000			
HCRC-OW42H41L3000	42	41	3000	HCRC-W42H41L3000	42	41	3000			

Tay Đỡ C



Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dày	Chiều dài
Item code	Width	Height	Thickness	Length
HCC1-W41H21L150	41	21	2/2.5	150
HCC1-W41H21L200	41	21	2/2.5	200
HCC1-W41H21L250	41	21	2/2.5	250
HCC1-W41H21L300	41	21	2/2.5	300
HCC1-W41H21L400	41	21	2/2.5	400
HCC1-W41H21L450	41	21	2/2.5	450
HCC1-W41H21L550	41	21	2/2.5	550
HCC1-W41H21L600	41	21	2/2.5	600
HCC1-W41H21L650	41	21	2/2.5	650
HCC1-W41H21L700	41	21	2/2.5	700
HCC1-W41H21L750	41	21	2/2.5	750

Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dày	Chiều dài
Item code	Width	Height	Thickness	Length
HCC1-W41H41L150	41	41	2/2.5	150
HCC1-W41H41L200	41	41	2/2.5	200
HCC1-W41H41L250	41	41	2/2.5	250
HCC1-W41H41L300	41	41	2/2.5	300
HCC1-W41H41L400	41	41	2/2.5	400
HCC1-W41H41L450	41	41	2/2.5	450
HCC1-W41H41L550	41	41	2/2.5	550
HCC1-W41H41L600	41	41	2/2.5	600
HCC1-W41H41L650	41	41	2/2.5	650
HCC1-W41H41L700	41	41	2/2.5	700
HCC1-W41H41L750	41	41	2/2.5	750

Tay Đỡ Double C

Double Cantilever Arm













































Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dày	Chiều dài
Item code	Width	Height	Thickness	Length
HCC2-W41H21L150	41	21	2/2.5	150
HCC2-W41H21L200	41	21	2/2.5	200
HCC2-W41H21L250	41	21	2/2.5	250
HCC2-W41H21L300	41	21	2/2.5	300
HCC2-W41H21L400	41	21	2/2.5	400
HCC2-W41H21L450	41	21	2/2.5	450
HCC2-W41H21L550	41	21	2/2.5	550
HCC2-W41H21L600	41	21	2/2.5	600
HCC2-W41H21L650	41	21	2/2.5	650
HCC2-W41H21L700	41	21	2/2.5	700
HCC2-W41H21L750	41	21	2/2.5	750

Mã sản phẩm	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều dày	Chiều dài
Item code	Width	Height	Thickness	Length
HCC2-W41H41L150	41	41	2/2.5	150
HCC2-W41H41L200	41	41	2/2.5	200
HCC2-W41H41L250	41	41	2/2.5	250
HCC2-W41H41L300	41	41	2/2.5	300
HCC2-W41H41L400	41	41	2/2.5	400
HCC2-W41H41L450	41	41	2/2.5	450
HCC2-W41H41L550	41	41	2/2.5	550
HCC2-W41H41L600	41	41	2/2.5	600
HCC2-W41H41L650	41	41	2/2.5	650
HCC2-W41H41L700	41	41	2/2.5	700
HCC2-W41H41L750	41	41	2/2.5	750



TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Product Standard

 <p>> DIN 18182-2 (R/G) - 2010 Accessories For Use With Gypsum Plasterboards - Nails</p>	 <p>DIN 18182-4 - 1987 Accessories For Use With</p>	 <p>DIN 705 - 2007 Adjusting Rings</p>	 <p>> DIN EN 3007 - 1996 Aerospace Series-Bolts, Hexagon Head, Relieved Shank, Long Thread, In Heat Resisting Steel FE-PA92HT (A286), Silver Plated-Classification: 900 MPa (At Ambient Temperature)/650S</p>	 <p>DIN EN 3006 - 1994 Aerospace Series-Screws, Hexagon Head, Relieved Shank, Long Thread, In Heat Resisting Steel FE-PA92HT (A286), Classification: 900 MPa (at Ambient</p>
 <p>i > DIN 65438 - 1993 Aerospace; i Bi-hexagonal Head Bolts, Close Tolerance, With MJ-thread, Short Thread Length, In Titanium Alloy; Nominal Tensile Strength 1100 Mpa, For Temperatures Up To 315 °C</p>	 <p>> DIN 65517 - 2002 Aerospace; cheese head bolts, with internal serration and MJ-thread, short thread, titanium alloy</p>	 <p>DIN 11014 - 1968 Agricultural; Equipment; Countersunk; Double-nip Bolts, Sinkings; Metric Thread, Finish</p>	 <p>DIN 11015 - 1995 Agricultural; Machinery - Flat Countersunk; Square Neck Bolts With Short; Square</p>	 <p>DIN 980 (V) - 1987 All-Metal Prevailing Torque Type I Hexagon Nuts with Single Piece Metal (Type V)</p>
 <p>DIN 71803 - 1988 Angle Joints With Screw Studs, With Rivet Studs</p>	 <p>> DIN 71805 - 1990 Angle Joints; Housings, Circlips</p>	 <p>DIN 71802 - 1992 Ball Joints With Or Without Circlips</p>	 <p>DIN 319 - 1978 Ball knobs [Type C]</p>	 <p>DIN 15237 - 1980 Belt screws, Continuous Mechanical Handling Equipment; Seating Screws And Cupped Washers For The Attachment x Of Components To Belts</p>
 <p>Connections With Reduced Shank; Extension Sleeves</p>	 <p>1 i i. DIN 787 - 2005 Bolts and Screws for T-slots</p>	 <p>DIN 34800 - 2000 Bolts And Screws With External Hexalobular Driving Feature With Small Flange</p>	 <p>DIN 7338 (A) - 1993 Brake and clutch lining rivets</p>	 <p>DIN 7338 (A) - 2011 Brake And Clutch Lining Rivets, Form A</p>
 <p>DIN 2510-5 - 1971 Bolted Connections With Reduced Shank Hexagon Nuts</p>	 <p>DIN 7338 (B) - 2011 Brake And Clutch Lining Rivets, Hexalobular Rivet</p>	 <p>DIN 7338 (C) - 2011 Brake And Clutch Lining Rivets, Tubular Rivet</p>	 <p>DIN 7338 (C) - 1993 Brake and clutch lining rivets, tubular rivet</p>	 <p>DIN 7337 (B) - 1991 Break, manderl blind rivets countersunk head</p>
 <p>> DIN 7337 (A) - 1991 Break manderl blind rivets, flat head</p>	 <p>DIN 2510-6 - 1974 Cap nuts for use with bolts with waisted shank</p>	 <p>DIN 439 (-2) - 1987 Chamfered Hexagon Thin Nuts—Product Grades A and B</p>	 <p>DIN EN ISO 4035 - 2013 Chamfered Hexagon Thin Nuts—Product Grades A and B</p>	 <p>DIN 34821 - 2005 Cheese Head Screws With 12 Point Socket</p>
 <p>DIN 34822 - 2005 Cheese Head Screws With Flange With 12 Point Socket</p>	 <p>1 DIN 28129 - 1990 Clamp nuts; For covers</p>	 <p>DIN 1444 1 974 Clevis Pins with Head</p>	 <p>DIN EN 22341 - 2003 Clevis Pins with Head</p>	 <p>DIN 1445 - 1977 Clevis pins with head and stud end</p>
 <p>DIN 1445 - 2011 Clevis Pins with Head and Threaded Portion</p>	 <p>DIN 1434 - 1977 Clevis Pins With Small Head; Finish M</p>	 <p>DIN 6378 - 1974 Clip bolts</p>	 <p>DIN EN ISO 15974 - 2001 Closed End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Countersunk Head - A/A/St</p>	 <p>DIN EN ISO 15973 - 2001 Closed End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Protruding Head - A/A/St</p>
 <p>DIN EN ISO 15976 - 2003 Closed End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Protruding Head - St/St</p>	 <p>DIN EN ISO 16585 - 2003 Closed End Blind Rivets With Pull Mandrel And Protruding Head - A2/Sst</p>	 <p>DIN EN ISO 15975 - 2003 Closed End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Protruding Head - A/A/A</p>	 <p>DIN 16903 (R) - 1974 Closed Insert Nuts For Plastics Mouldings - Hex With Shoulder - Type R</p>	 <p>DIN 16903 (P) - 1974 Closed Insert Nuts For Plastics Mouldings - Hex Without</p>



DIN 16903 (Q) - 1974 Closed Insert Nuts For Plastics Mouldings - Round Without Shoulder - Type Q



DIN 16903 (S) - 1974 Closed Insert Nuts For Plastics Mouldings - Round Without Shoulder - Type S



DIN 16903 (G) - 1974 Closed Insert Nuts With Disk For Plastics Mouldings - Hex With Shoulder - Type G



DIN 16903 (E) - 1974 Closed Insert Nuts With Disk For Plastics Mouldings - Hex Without Shoulder - Type E



DIN 16903 (F) - 1974 Closed Insert Nuts With Disk For Plastics Mouldings - Round Without Shoulder - Type F



DIN 16903 (H) - 1974 Closed Insert Nuts With Disk For Plastics Mouldings-round With Shoulder - Type H



DIN 82103 - 1987 Components for lifting, towing, lashing - Shackles, bow-stainless steels



DIN 82101 - 1987 Components for lifting, towing, lashing - Shackles, non-alloy quality steels



DIN 5586 - 1989 Compressed Air Equipment for Rail Vehicles; Locking Screws with Collar and Vent



DIN 74305-1 - 1987 Compression Couplings; Hollow Screw



DIN EN 16983 (B) - 2017 Conical Spring Washers - Series B



DIN 6796 - 2009 Conical Spring Washers for Bolted Connections



DIN 6908 - 1995 Conical Spring Washers For Screw And Washer Assemblies



DIN 6908 - 1990 Conical spring washers for screw and washer assemblies



DIN 2093 (B) - 2013 Conical Spring Washers- Series B



DIN 6796 - 1987 Conical Spring Washers For Bolt/Nut Assemblies



> DIN EN ISO 7046 (-1) - 2011, DIN EN ISO 7046 (-2) - 2011 Countersunk Flat Head Screws (Common Countersunk Flat Head Screws (Common Head Style) with Type H or Type Z Cross Head Style) With Type H Or Type Z



DIN 18182-2 (SN) - 2010 Countersunk Head Double-threaded Drywall Screws



DIN 1477 - 1978 Countersunk Head Grooved Pins



DIN 661 - 2011 Countersunk Head Rivets (With Nominal Diameters From 1 to 8 mm)



DIN 661 - 1993 Countersunk head rivets (with nominal diameters from 1 to 8 mm)



DIN 1472 Crooved Pins, Half Length Taper Grooved



DIN EN ISO 8745 - 1998 Crooved Pins, Half-Length Taper Grooved



DIN 6900-1 - 1990 Cross pan head screw and washer assemblies, coarse threaded screws with captive plain washer



DIN EN ISO 7050 - 2011 Cross Recessed Countersunk (Flat) Head Tapping Screws



DIN 7504 (O) - 1995 Cross recessed countersunk head drilling screws with tapping screw thread



DIN 7504 (P) - 1982 Cross Recessed Countersunk Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN EN ISO 15482 - 2000 Cross Recessed Countersunk Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN EN ISO 15482 - 2000 Cross Recessed Countersunk Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN 965 - 1990 Cross Recessed Countersunk Head Screws



DIN 7982 - 1990 Cross recessed countersunk head tapping screws



DIN 7516 (DE) - 1995 Cross recessed countersunk head thread cutting screws



DIN 7516 (DE) - 2016 Cross Recessed Countersunk Head Thread Cutting Screws - Form DE



DIN 7500 (ME) - 2000 Cross Recessed Countersunk Head Thread Rolling Screws



DIN 7500 (M) - 1995 Cross Recessed Countersunk Head Thread Rolling Screws



DIN 7997 - 2016 Cross Recessed Countersunk Head Wood Screws



DIN 7997 - 2010 Cross recessed countersunk head wood screws



DIN 7997 - 2008 Cross recessed countersunk head wood screws



DIN 7997 - 1984 Cross recessed countersunk head wood screws



DIN 7516 (EE) - 1995 Cross recessed oval head thread cutting screws



DIN 7516 (EE) - 2016 Cross Recessed Oval Head Thread Cutting Screws - Form EE



DIN 7504 (M) - 1995 Cross Recessed Pan Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN 7504 (N) - 1982 Cross Recessed Pan Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN EN ISO 15481 - 2000 Cross Recessed Pan Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN 967 - 2018 Cross Recessed Pan Head Screws With Collar—Product Grade A



DIN 967 - 2002 Cross Recessed Pan Head Screws With Collar—Product Grade A



DIN 967 - 1994 Cross recessed pan head screws with collar—Product grade A



DIN 7981 - 1990 Cross Recessed Pan Head Tapping Screws



DIN 968 - 2008 Cross Recessed Pan Head Tapping Screws With Collar



DIN 968 - 2002 Cross Recessed Pan Head Tapping Screws with Collar

€gSUSP

DIN 7516 (AE) - 1995 Cross recessed pan head thread cutting screws

DIN 7516 (AE) - 2016 Cross Recessed Pan Head Thread Cutting Screws - Form AE t



DIN 7500CE - 2009 Cross Recessed Pan Head Thread Rolling Screws



DIN 7500 (C) - 1995 Cross recessed pan head thread rolling screws



DIN 7996 - 2010 Cross recessed pan head wood screws



DIN 7996 - 2008 Cross recessed pan head wood screws



DIN 7996 - 1986 Cross recessed pan head wood screws



DIN 7985 - 1990 Cross Recessed Raised Cheese Head Screws



DIN 7985 - 1986 Cross recessed raised cheese head screws



DIN EN ISO 15483 - 2000 Cross Recessed Raised Countersunk Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN 7504 (R) - 1995 Cross recessed raised countersunk self-drilling tapping screws



DIN 7504 (Q) - 1982 Cross recessed raised countersunk self-drilling tapping screws



DIN 966 - 1990 Cross Recessed Raised Countersunk Head Screws



DIN 7983 - 1990 Cross recessed raised countersunk head tapping screws



DIN EN ISO 7051 - 2011 Cross Recessed Raised Countersunk Head Tapping Screws



DIN 7995 - 2016 Cross Recessed Raised Countersunk Head Wood Screws



DIN 7995 - 2010 Cross recessed raised countersunk head wood screws



DIN 7500 (N) - 1995 Cross Recessed Raised Countersunk Head Thread Rolling Screws



DIN 7500 (NE) - 2009 Cross Recessed Raised Countersunk Head Thread Rolling Screws - Form NE



DIN 7995 - 2008 Cross recessed raised countersunk head wood screws



DIN 7995 - 1984 Cross recessed raised countersunk head wood screws



DIN 968 - 1994 Cross recessed round head tapping screws with collar



DIN EN ISO 7048 - 2011 Cross-Recessed Cheese Head Screws



DIN EN ISO 7049 - 2011 Cross-recessed Pan Head Tapping



DIN EN ISO 10510 (S2) - 2011 Cross-recessed Pan Head Tapping Screws and Washer Assemblies with Plain Washers



DIN 607 - 2010 Cup Head Nib Bolts



DIN 603 - 2017 Cup Head Square Neck Bolts



DIN 128 (A) - 1994 Curved Spring Lock Washers



DIN 128 (A) - 1987 Curved spring lock washers



DIN 137 (A) - 1987 Curved spring washers



DIN 6904 - 1990 Curved Spring Washers for Screw and Washer Assemblies



DIN 6367 - 2003 Cutter Retaining Screws For Milling



DIN 792 - 1976 Cylindrical Counter Sunk Screws



DIN EN 16983 (C) - 2017 Disc Spring Washers - Series C



DIN 2093 (C) - 2013 Disc Spring Washers-Series C



DIN 2093 (A) - 2013 Disc Springs - Series A



DIN EN 16983 (A) - 2017 Disc Springs - Series A



DIN 9025 Dish spring safe washers s-style



DIN 9025 Dish spring safe washers vs-style

Lentz



DIN 2509 - 2016 Double End Studs



DIN 2509 - 1986 Double end studs



DIN 25201 Double fold self-locking washer (Steel/Stainless Steel)

DIN 6888 - 1956 Drive Type Fastenings Without Taper Action, Woodruff Keys



DIN 22424 - 1990 Electrical Apparatus For Potentially Explosive Atmospheres For Mining; Triangle Head Bolts



DIN 432 - 1983 External tab washers (locking tab washers)



DIN 440 (R) - 1990 Extra Large Washers With Round Hole For Use In Timber Constructions



DIN EN ISO 7094 - 2000 Extra Large Washers With Round Hole For Use In Timber Constructions



DIN 440 - 2001 Extra large washers with square hole for use in timber constructions



DIN 440 - 1990 Extra large washers with square hole for use in timber constructions



DIN 444 - 2017 Eye Bolts



DIN 444 - 1983 Eye Bolts



DIN 580 - 1972 Eye bolts



DIN 976 (-1) - 2016 Fasteners - Stud bolts - Part 1: Metric thread



DIN 976 (-2) - 2016 Fasteners - Stud bolts - Part 2: Metric interference thread MFS



DIN 315 - 2016 Fasteners - Wing Nuts - Rounded Wings



DIN 74361 (A) - 1982 Fastening Devices For Bolt Centering - Form A - Hexagon Spherical Nuts With Flange



DIN 74361 (B) - 1982 Fastening Devices For Bolt Centering - Form B - Hexagon Nut With Flange



DIN 74361 (C) - 2008 Fastening Devices For Bolt Centering - Form C - Spring Lock Washers



DIN 74361 (F) - 2008 Fastening Devices For Bolt Centering - Form F - Conical Nut



DIN 74361 (F) - 1982 Fastening Devices For Bolt Centering - Form F - Conical Nut



DIN 5903 - 1997 Fish Bolts - Part 1: with Round Head and Oval Neck



DIN 604 - 2017 Flat Countersunk Head Nib Bolts



DIN 74361 (C) - 1982 Fastening Devices For Bolt Centering - Form C - Spring Lock Washers



DIN 604 - 2010 Flat Countersunk Head Nib Bolts



DIN 604 - 1981 Flat countersunk head nib bolts



DIN 675 - 2011 Flat Countersunk Head Rivets - Nominal Diameters From 3 to 5 mm



DIN 675 - 1993 Flat countersunk head rivets with nominal diameters from 3 to 5 mm



DIN 605 - 2010 Flat Countersunk Head Square Neck Bolts With Long Square



DIN 605 - 1981 Flat countersunk head square neck bolts with long square



DIN 608 - 2010 Flat Countersunk Head Square Neck Bolts With Short Square



DIN 608 - 2007 Flat countersunk short square neck bolts



DIN 608 - 1981 Flat countersunk square neck bolts with short square



DIN 674 - 2011 Flat Round Head Rivets - Nominal Diameters 1.4 mm to 6 mm



DIN EN ISO 3266 - 2016 Forged Steel Eyebolts Grade 4 For General Lifting Purposes



DIN 1480 - 2005 Forged Turnbuckles, (Open Type)

DIN EN ISO 8744 - 1998 Grooved Pins - Full-Length Taper Grooved



DIN 70852 - 1989 Groove Nuts



DIN 1470 Grooved pin, full length parallel grooved with pilot



DIN EN ISO 8739 - 1998 Grooved Pin, Full Length Parallel Grooved With Pilot



DIN 1475 - 1978 Grooved pins - 1/3 Length Centre Grooved



DIN EN ISO 8742 - 1998 Grooved Pins - 1/3 Length Centre

DIN EN ISO 8743 - 1998 Grooved Pins - Half-Length Centre Grooved

DIN EN ISO 8747 - 1997 Grooved Pins With Countersunk Head



DIN EN ISO 8746 - 1998 Grooved Pins With Round Head

A3

CCTD



DIN 1469 - 2011 Grooved pins, Half length grooved with gorge

DIN 1473 - 1978 Grooved Pins, Full Length Parallel Grooved With Chamfer

DIN 1471 - 1978 Grooved pins, Full Length Taper Grooved

DIN 1469 - 2012 Grooved Pins, Half Length Grooved With Gorge



DIN 1474 - 1978 Grooved pins-Half-length reverse-taper grooved

DIN EN ISO 8740 - 1998 Grooved Pins. Full-Length Parallel



DIN 6795 Grounding washers



DIN 6332 - 2003 Grub Screws with Thrust Point

DIN 1469 - 1978 Grooved pins, Half length grooved with gorge



DIN 6332 - 1981 Grub screws with thrust point



DIN 910 - 1992 Heavy-duty hexagon head screw plugs



DIN EN 1665 (R) - 1998 Hexagon Bolt With Flange-Reduced Shank, Type R



DIN EN 1662 - 1998 Hexagon Bolts with Flange - Small Series



DIN EN 1665 (S) - 1998 Hexagon Bolts With Flange, Heavy Series



DIN EN 24015 - 1991 Hexagon Bolts, Reduced Shank (Shank Diameter » Pitch Diameter), Product Grade B



DIN 917 - 2015 Hexagon Cap Nuts, Low Type



DIN 917 - 2000 Hexagon cap nuts, low type



DIN 917 - 1987 Hexagon cap nuts, low type



DIN 7500EE - 2009 Hexagon Cheese Head Thread Rolling Screws



DIN 6331 - 2003 Hexagon Collar Nuts with a Height of 1.5d



DIN 6331 - 1991 Hexagon collar nuts with a height of 1.5D



DIN 6334 Hexagon coupling nuts



DIN 1587 - 1987 Hexagon domed cap nuts



DIN 1587 - 2014 Hexagon Domed Cap Nuts, High Type



DIN 609 - 1995 Hexagon At bolts



DIN 609 - 1984 Hexagon fit bolts with long threaded dog point



DIN 610 - 1993 Hexagon Fit Bolts with Short Threaded Point



DIN 610 - 1993 Hexagon Fit



DIN 6921 - 1983 Hexagon Flange Bolts



DIN 6922 - 1983 Hexagon flange bolts with reduced shank



DIN 931 (-2) - 2009 Hexagon head bolts - Part 2: Metric thread M 68 to M 160 x 6 - Product grade B



DIN EN ISO 4016 - 2011 Hexagon Head Bolts - Product Grade C

I

DIN 6900-1 - 1997 Hexagon head bolts and plain washers assemblies



DIN 931 (-1) - 1987 Hexagon head bolts grades A and B partially threaded



DIN ISO 4014 - 2011 Hexagon Head Bolts Grades A and B Partially Threaded



DIN 960 - 1990 Hexagon head bolts with fine pitch thread—Product grades A and B



DIN 961 - 1990 Hexagon head bolts with fine pitch thread—Product grades A and B



DIN EN ISO 8676 - 2011 Hexagon Head Bolts With Fine Pitch Thread—Product Grades A and B



DIN EN ISO 8765 - 2011 Hexagon Head Bolts With Fine Pitch Thread—Product Grades A and B



DIN 7990 - 2008 Hexagon head bolts with hexagon head nuts for steel structure



DIN 7990 - 1989 Hexagon head bolts with hexagon nut for steel structures



DIN 931 (-2) - 1987 Hexagon head bolts, metric thread M42 to M160x6, product grade B

Qa@ô

DIN 7504 (K) - 1995 Hexagon Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread With Collar



DIN 7504 (K) - 1982 Hexagon head drilling screws with tapping screw thread with collar



DIN 909 - 1992 Hexagon head pipe plugs



DIN 909 - 1991 Hexagon head pipe plugs



DIN 909 - 2012 Hexagon Head Pipe Plugs - Conical Thread



DIN 7604 - 1992 Hexagon Head Screw Plugs - Light Type - Cylindrical Thread



DIN 933 - 1987 Hexagon Head Screws Threaded Up To The Head - Product Grades A and B



DIN 7964 - 1977 Hexagon head screws with waisted shank



DIN EN ISO 4017 - 2014 Hexagon Head Screws - Product Grades A and B



DIN EN ISO 4017 - 2001 Hexagon head screws - Product grades A and B



DIN 558 - 1987 Hexagon head screws-product grade C



DIN 561 - 1995 Hexagon head set screws with small hexagon and full dog point



DIN EN ISO 10510 (S1) - 2011 Hexagon Head Tapping Screw With Plain Washers



DIN 7976 - 1990 Hexagon head tapping screws



DIN EN ISO 1479 - 2011 Hexagon Head Tapping Screws



DIN 7513-A - 2016 Hexagon Head Thread Cutting Screws



DIN 7513-AE - 1995 Hexagon head thread cutting screws



DIN 7500DE - 2009 Hexagon Head Thread Rolling Screws, Grade A And B



DIN 7500 (D) - 1995 Hexagon head thread rolling screws, grade A and B



DIN 571 - 2016 Hexagon Head Wood Screws



DIN 571 - 2010 Hexagon head wood screws



DIN 571 - 2008 Hexagon head wood screws



DIN 571 - 1986 Hexagon head wood screws



DIN EN ISO 8674 - 2013 Hexagon High Nuts, (Style 2) With Metric Fine Pitch Thread-Product Grade A And B



DIN 911 - 1987 Hexagon Keys



DIN 6330 - 2003 Hexagon Nuts with a Height of 1.5d



DIN 6330 - 1991 Hexagon nuts with a height of 1.5d



DIN 6923 - 1983 Hexagon Nuts With Flange



DIN EN 1661 - 1998 Hexagon Nuts With Flange



DIN 934 - 1987 Hexagon Nuts With Metric Coarse And Fine Pitch thread, Product Classes A and B



DIN 934 - 1982 Hexagon nuts, Metric threads, Product grades A and B



DIN EN 24032 - 1991 Hexagon nuts, style 1 Product grades A and B



DIN 555 - 1987 Hexagon Nuts-product Grade C, M5 To



DIN 970 - 1982 Hexagon nuts-Style1,metric coarse thread,product grades A and



DIN EN ISO 4032 - 2013 Hexagon Regular Nuts (Style 1) - Product Grade A and B



DIN EN ISO 4034 - 2016 Hexagon Regular Nuts(Style 1)-Product



DIN 564 - 1995 Hexagon Set Screws with Small Hexagon, Half Dog Point and Flat Cone Point



DIN 935-1 - 2013 Hexagon Slotted and Castle Nuts - Part 1: Metric Coarse and Fine Pitch



DIN 935-3 - 2000 Hexagon Slotted Nuts - Part 3: Metric Coarse Pitch Thread, Product Grade C



DIN 935-1 - 1987 Hexagon slotted nuts and castle nuts with metric coarse and fine pitch



DIN 935-3 - 1987 Hexagon slotted nuts with metric coarse pitch thread product grade C



DIN EN ISO 7380 (-1) - 2011 Hexagon Socket Button Head Screws



DIN EN ISO 7380 (-2) - 2011 Hexagon Socket Button Head Screws with Collar



DIN 7991 - 1986 Hexagon Socket Countersunk Head Cap Screws



DIN EN ISO 10642 - 2013 Hexagon socket countersunk head screws



DIN EN ISO 10642 - 2004 Hexagon Socket Countersunk Head Screws



DIN 912 - 1983 Hexagon socket head cap screws



DIN EN ISO 4762 - 2004 Hexagon Socket Head Cap Screws

m:fii

DIN 6912 - 2009 Hexagon Socket Head Cap Screws with Centre, with Low Head



DIN 7984 - 2009 Hexagon Socket Head Cap Screws with Low Head



DIN EN ISO 12474 - 2011 Hexagon Socket Head Cap Screws with Metric Fine Pitch Thread



DIN 916K Hexagon socket knurl set screws with cup point



DIN EN ISO 14585 - 2002 Hexagon Socket Pan Head Tapping Screws



DIN 906 - 1992 Hexagon socket pipe plugs



DIN 906 - 1983 Hexagon socket pipe plugs



DIN ISO 2936 - 2016 Hexagon Socket Screw Keys



DIN 6911 - 1986 Hexagon socket screw keys with pilot



DIN 908 - 1992 Hexagon socket screw plugs



DIN 908 - 1983 Hexagon socket screw plugs

«m

DIN 914 - 1980 Hexagon Socket Set Screws With Cone Point



DIN EN ISO 4027 - 2004 Hexagon Socket Set Screws With Cone Point



DIN 916 - 1980 Hexagon Socket Set Screws With Cup Point



DIN EN ISO 4029 - 2004 Hexagon Socket Set Screws With Cup Point



DIN 915 - 1980 Hexagon Socket Set Screws With Dog Point



DIN EN ISO 4028 - 2004 Hexagon Socket Set Screws With Dog Point



DIN 913 - 1980 Hexagon Socket Set Screws With Flat Point

«Hü

DIN EN ISO 4026 - 2004 Hexagon Socket Set Screws with Flat Point



DIN 7984 - 2002 Hexagon socket thin head cap screws



DIN 7984 - 1985 Hexagon socket thin head cap screws



DIN 6912 - 2002 Hexagon socket thin head cap screws with pilot recess



DIN 6912 - 1985 Hexagon socket thin head cap screws with pilot recess



DIN 937 - 1983 Hexagon Thin Castle Nuts (Previous Design)



DIN 936 - 1985 Hexagon Thin Nuts—Product Grades A and B, M8 to M52 and M8x1 to M52x3



DIN 979 - 2013 Hexagon Thin Slotted Nuts And Castle Nuts With Metric Coarse And Fine Pitch Thread, Product Grades A and B



DIN 979 - 1987 Hexagon thin slotted nuts and castle nuts with metric coarse and fine pitch thread, product grades A and B



DIN 1479 - 2005 Hexagon Turnbuckles



DIN EN ISO 15480 - 2018 Hexagon Washer Head Drilling Screws With Tapping Screw Thread



DIN 6928 - 1990 Hexagon Washer Head Tapping Screws



DIN EN ISO 7053 - 2018 Hexagon Washer Head Tapping Screws



DIN 929 - 2013 Hexagon Weld Nuts



DIN 929 - 2000 Hexagon weld nuts



DIN 929 - 1987 Hexagon weld nuts



DIN 977 - 1998 Hexagon Weld Nuts with Flange



DIN EN ISO 21670 - 2014 Hexagon Weld Nuts With Flange



DIN 910 - 2012 Hexagon-duty Hexagon Head Screw Plugs (Standard Type)



DIN 910 - 2010 Hexagon-duty hexagon head screw plugs (standard type)



DIN 910 - 2012 Hexagon-duty Hexagon Head Screw Plugs (Type L)



DIN 910 - 2010 Hexagon-duty hexagon head screw plugs (Type L)



DIN 7968 - 1989 Hexagonal fit bolts for structural steel bolting for supply with or without nut



DIN 34827 - 2005 Hexalobular socket set screws



DIN EN ISO 14580 - 2002 Hexalobular Socket Cheese Head Screws



DIN 7500OE - 2009 Hexalobular Socket Cheese Head Thread Rolling Screws



DIN EN ISO 14586 - 2002 Hexalobular Socket Countersunk



DIN 34802 - 2001 Hexalobular Socket Head Cap Screw With Large Driving Feature



DIN EN ISO 14579 - 2011 Hexalobular Socket Head Cap Screws



DIN EN ISO 14583 - 2011 Hexalobular Socket Pan Head Screws



DIN 7500PE - 2009 Hexalobular Socket Pan Head Thread Rolling Screws



DIN EN ISO 14587 - 2011 Hexalobular Socket Raised (Oval) Head Tapping Screws



DIN EN ISO 14584 - 2011 Hexalobular Socket Raised Countersunk Head Screws



DIN 7500QE - 2009 Hexalobular Socket Raised Countersunk



DIN 34819 - 2008 Hexalobular Socket Raised Head Tapping Screws With Collar



DIN 34827 - 2016 Hexalobular Socket Set Screws



DIN 7999 - 1983 High strength hexagon fit bolts with large width across flats for structural steel bolting



DIN 6914 - 1989 High-Strength Hexagon Bolts With Large Widths Across Flats For Structural Bolting



DIN EN 14399 (-4) - 2015 High-strength Hexagon Bolts With Large Widths Across Flats For Structural Bolting



DIN 6915 - 1999 High-Strength Hexagon Nuts With Large Widths Across Flats For Structural Steel Bolting



DIN 6915 - 1 989 High-strength hexagon nuts with large widths across flats for structural steel bolting



DIN EN 14399 (-4) - 2015 High-Strength Hexagon Nuts With Large Widths Across Flats For Structural Steel Bolting



DIN EN 14399 (-8) - 2016 High-Strength Structural Bolting Assemblies For Preloading - Part 8: System HV-Hexagon Fit Bolt j



DIN 7339 - 2011 Hollow Rivets, One Piece, Drawn From Strip



DIN 3017-3 - 2002 Hose Clamps - Part 3: Bolt Clamps



DIN 3017-5 - 2002 Hose Clamps - Part 5: Wide Strip Hose Clamps With Fastening Lugs; Types D and E



DIN 3017-2 - 2002 Hose Clamps-Part 2:Clamps With



DIN 3017-2 - 2002 Hose Clamps-Part 2:Clamps With



DIN 16903 (T) -1974 insert Nuts; Heavy Type For Plastics Mouldings And Pressure Die Castings With Dead Hole - Type T



DIN 16903 (U) - 1974 Insert Nuts; Heavy Type For Plastics Mouldings And Pressure Die Castings With Dead Hole - Type U



DIN 906 - 2012 Internal Drive Pipe Plugs - Conical Thread



DIN 908 - 2012 Internal Drive Screw Plugs with Collar - Cylindrical Thread



DIN 472 (D1300/J) - 1981 Jump Ring For Hole



DIN 6303 - 2006 Knurled Nuts



DIN 467 - 1986 Knurled nuts



DIN 6303 - 1986 Knurled nuts



DIN 466 - 1986 Knurled nuts with collar



DIN 466 - 2006 Knurled Nuts, High Type



DIN 467 - 2006 Knurled Nuts, Low Type



DIN 653 - 1986 Knurled thin thumb screws



DIN 464 - 2006 Knurled Thumb Screws, High Type



DIN 653 - 2006 Knurled Thumb Screws, Low Type



DIN 464 - 1986 Knurled Thumb Screws, High Type



DIN 65253 - 2002 L-wrench For Screws With Internal Serration



DIN 9021 - 1990 Large Plain Washers - Product Grade A



DIN 580 - 2018 Lifting Eye Bolts



DIN 580 - 2010 Lifting eye bolts



DIN 582 - 2018 Lifting Eye Nuts



DIN 582 - 2009 Lifting eye nuts



DIN 582 - 1971 Lifting eye nuts

9



DIN 6799 (D1500/RA) - 2011 Lock washers (retaining washers for shafts)



DIN 9250 (SS) Lock washers with double faced printing, stainless steel



DIN 981 - 2009 Locknut of type HM ... , for use with type MS ... locking plate as in DIN 5406



DIN 981 - 2009 Locknut of Type KM..., KML... or HM...T, for Use With Type MB... Lockwasher as in Din 5406



DIN 5406 - 1993 Lockwashers and locking plates for use with rolling bearings



DIN 3404 - 1988 Lubrication Nipples; Button Head



DIN 601 - 1987 M5 to M52 hexagon head bolts—Product grade C



DIN 462 - 1973 Machine Tools; Internal Tab Washers For Slotted Round Nuts In Conformity With DIN 1804

DIN 529 - 2010 Masonry And Foundation Bolts



DIN 976 (-2) - 1995 Metric interference-fit thread stud bolts



DIN 976 (-1) - 1995 Metric thread stud bolts

DIN 603 - 1981 Mushroom head square neck bolts



DIN 25193 - 2003 Mushroom Head Anchor Screws With Metric ISO Thread - Class C



DIN 674 - 1993 Mushroom head rivets



DIN 662 - 2011 Mushroom Head Rivets - Nominal Diameters From 1.6 to 6 mm



DIN 603 - 2010 Mushroom head square neck bolts



DIN 1143-1 - 1982 Nails for use



DIN 3871 - 1995 Non-soldering and Soldering Compression Couplings - Socket Unions



DIN 3870 - 2001 Non-Soldering and Soldering Compression Fittings - Union Nuts Series L1 (Pipe Nuts)



DIN 74305-2 - 1994 Non-welded tube connection hex nut



DIN 508 - 2002 Nuts For T-slots

o?

DIN 7339 - 1993 One-piece tubular rivets drawn from strip

DIN EN ISO 15984 - 2003 Open End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Countersunk Head - A2/A2

DIN EN ISO 15983 - 2003 Open End Blind Rivets With Break Pull Mandrel And Protruding Head - A2/A2



DIN 16903 (C) - 1974 Open Insert Nuts For Plastics Mouldings - Hex With Shoulder - Type C



DIN 16903 (A) - 1974 Open Insert Nuts For Plastics Mouldings - Hex Without Shoulder - Type A



DIN 16903 (D) - 1974 Open Insert Nuts For Plastics Mouldings - Round With Shoulder - Type D



DIN 16903 (B) - 1974 Open Insert Nuts For Plastics Mouldings - Round Without Shoulder - Type B



DIN 662 - 1993 Oval-head rivets with nominal diameters from 1.6 to 6 mm



DIN 18182-2 (LB) - 2010 Pan Head Double Threaded Self Drilling Drywall Screws



DIN EN ISO 7045 - 2011 Pan Head Screws With Type H or Type Z Cross Recess - Product Grade A



DIN 6885 (-1) - 1968 Parallel Keys, Deep pattern



DIN 7 - 1981 Parallel Pins



DIN 6325 - 1971 Parallel pins



DIN 1052 - 2008 Parallel Pins For Wood Structure

DIN 1052 - 2004 Parallel pins for wood structure



DIN 7979 - 1977 Parallel Pins With Internal Thread

DIN EN ISO 2338 - 1998 Parallel Pins, of Unhardened Steel and Austenitic Stainless Steel

DIN 7505 - 1986 Particle Board Screws With Cross Recess Type Z, Pan Head - Form B

DIN 7505 - 1986 Particle Board Screws With Cross Recess Type Z, countersunk Head - Form A



DIN 5526 - 1999 Pins with head for rail vehicles



DIN 431 - 2013 Pipe Nuts With Thread In Accordance With DIN ISO 228 Part 1



DIN 431 - 1982 Pipe nuts with thread in accordance with DIN ISO 228 Part 1



DIN 134 Plain Washers - Large



DIN EN ISO 7093-1 - 2000 Plain washers - Large series - Part 1: Product grade A



DIN EN ISO 7091 - 2000 Plain washers - Normal series, Product grade C



DIN EN ISO 7092 - 2000 Plain Washers - Small Series, Product Grade A, 200HV and 300HV



DIN EN 28738 - 1992 Plain Washers for Clevis Pins; Product Grade A;



DIN 6902 (B) - 1990 Plain washers for screw and washer assemblies—Type B



DIN 7989 - 1974 Plain washers for steel structure



DIN 34820 - 2004 Plain Washers. Chamfered. For Steel Structures



DIN 34813 - 1999 Plastic Cross Recessed Cheese Head Screws



DIN 34811 - 1999 Plastic Flat Head Screws With Cross Recess



DIN 34810 - 2018 Plastic Hexagon Head Screws



DIN 34814 - 1999 Plastic Hexagon Nuts



DIN 34812 - 1999 Plastic Pan Head Screws With Cross Recess



DIN 34816 - 1999 Plastic Plain Washers - Large Series



DIN 34815 - 1999 Plastic Plain Washers - Normal Series



DIN EN ISO 10513 - 2016 (E) Prevailing Torque (All-Metal) Hexagon High Nuts, with Fine Pitch Thread - Product Grade A and B



DIN EN ISO 7042 - 2013 Prevailing Torque Type All-Metal Hexagon High Nuts-Property Classes 5,8,10 And 12



DIN 6927 - 1983 Prevailing Torque Type All-Metal Hexagon Nuts With Flange



DIN 986 - 2000 Prevailing Torque Type Hexagon Domed Cap Nuts With Non-Metallic Insert



DIN EN 1666 - 1998 Prevailing Torque Type Hexagon Nuts With Flange (with Non-Metallicinsert) With Metric Fine Pitch Thread



DIN 6924 - 1987 Prevailing Torque Type Hexagon Nuts With Non-Metallic Insert



DIN 980 (M) - 1987 Prevailing Torque Type Hexagon Nuts with Two-piece Metal (Type M)



DIN 125 (B) - 1990 Product Grade A Washers With A Hardness From 300 HV Designed For Use With Hexagon Head Bolts And Nuts



DIN 126 - 1990 Product grade C washers designed for use with hexagon head bolts and nuts



DIN 25195 - 2003 Railway Vehicles - Countersunk Bolts With Double Nip With Metric ISO



DIN EN ISO 7047 - 2011 Raised Countersunk Head Screws (Common Head Style) with Type H or Type Z Cross Recess - Product Grade A



DIN 34823 - 2005 Raised Countersunk Head Screws With 12 Point Socket



DIN EN ISO 1207 - 1994 Slotted Cheese Head Screws—Product Grade A



DIN 7500AE - 2000 Slotted Cheese Head Thread Rolling Screws - Form AE



DIN 8245 - 1972 Slotted Countersunk (Flat) Head Screws



DIN 97 - 2016 Slotted Countersunk (Flat) Head Wood



DIN 7969 - 1989 Slotted countersunk head screws for structural steel bolting for



DIN 925 - 1986 Slotted countersunk head screws with



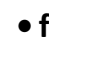
DIN 97 - 1986 Slotted



DIN EN ISO 2342 - 2004 Slotted Headless Screws With Shank



DIN 7504 (L) - 1982 Slotted Hex Head Self-drilling Tapping Screws With Collar



DIN 465 - 1963 Slotted knurled screws-High style

in«»**»

DIN 7513-GE - 1995 Slotted oval head thread cutting screws

mj

DIN 85 - 1990 Slotted Pan Head Screws - Product Grade A



DIN 922 - 1986 Slotted pan head screws with ball face and full dog point



DIN 921 - 2007 Slotted pan head screws with large head



DIN 921 - 1986 Slotted pan head screws with large head



DIN 923 - 1986 Slotted pan head screws with shoulder



DIN 923 - 2006 Slotted pan head screws with shoulder



DIN 920 - 2006 Slotted Pan Head Screws With Small Head



DIN 7971 - 1990 Slotted pan head tapping screws



DIN EN ISO 10510 (S3) - 2011 Slotted Pan Head Tapping Screws With Plain Washer



DIN 7500 (B) - 1995 Slotted Pan Head Thread Rolling Screws



DIN EN ISO 1483 - 2011 Slotted Raised Countersunk (Oval) Head Tapping Screws



DIN 964 - 1990 Slotted Raised Countersunk Head Screws



DIN 924 - 2012 Slotted Raised Countersunk Head Screws With Dog Point



DIN 924 - 2006 Slotted Raised Countersunk Head Screws With Dog Point



DIN 95 - 2010 Slotted Raised Countersunk Head Wood Screws



DIN 7500 (L) - 1995 Slotted Rasied Countersunk Thread Rolling Screws



DIN 96 - 2010 Slotted round head wood screws



DIN 96 - 1986 Slotted round head wood screws



DIN 546 - 2010 Slotted Round Nuts



DIN 7964 - 1990 Reduced Shank Bolts and Screws with Coarse Thread



DIN 472 (-2) - 2011 Retaining Rings for Bores - Heavy Type



DIN 471 (-2) - 2011 Retaining Rings For Shafts - Heavy Type



DIN 984 - 2013 Retaining Rings With Lugs (Internal Circlips) For Use In Bores



DIN 983 - 2011 Retaining Rings With Lugs For Shafts



DIN 6799 - 2017 Retaining Washers For Shafts



DIN 7341 - 1977 Rivet Pins



DIN 6434 - 1984 Rivet Sets



DIN 981 - 1983 Rolling bearings - Locknuts



DIN 5406 - 2011 Rolling bearings - Lockwashers; Safety plate, Lockclip



DIN 21547 - 1988 Round Head Bolts With Oval Shoulder For Mine Supports



DIN 1476 - 1978 Round Head Grooved Pins



DIN 607 - 1981 Round head nib bolts



DIN 660 - 2012 Round Head Rivets With Nominal Diameters From 1 to 8 mm



DIN 1816 - 1971 Round Nut with Set Pin Holes Inside, ISO Metric Fine Thread



DIN 547 - 2006 Round Nuts With Drilled Holes In One Face



DIN 547 - 1986 Round nuts with drilled holes in one face



DIN 548 - 2007 Round nuts with set pin holes in side



DIN 548 - 1986 Round nuts with set pin holes in side



DIN 6916 - 1989 Round Washers for High-Tensile



DIN 7993 (B) - 1970 Round Wire Snap Ring For Bores - Type B for Bores



DIN 73130 (C) - 1989 Round Wire Snap Rings For Piston Pins - Form C



DIN 9925 - 2016 Round Wire Snap Rings for Shafts



DIN EN ISO 10644 - 2009 Screw and Washer Assemblies made of Steel with Plain Washers - Washer hardness classes 200 HV and 300 HV



DIN 7965 - 1965 Screwed Inserts (Screw Plugs)

Q

DIN 470 - 2011 Sealing Washers



DIN 443 - 2011 Sealing Push-In Caps



DIN 7603A - 2001 Sealing Rings - Form A



DIN 470 - 2008 Sealing washers



DIN 5417 - 2011 Securing Parts for Rolling Bearings - Snap Rings for Bearings with Ring Groove j



DIN 7967 - 1970 Self-Locking Counter Nuts



DIN 986 - 1977 Self-Locking Domed Cap Nuts

B

DIN 6792 - 2012 Semi-Tubular Countersunk Head Rivets - Nominal Diameters 1.6 mm to 10 mm



DIN 6792 - 1993 Semi-tubular countersunk head rivets - nominal diameters 1.6 mm to 10 mm



DIN 6791 - 2012 Semitubular Pan Head Rivets - Nominal Diameters 1.6 to 10 mm

THÉP CARBON (CARBON STEEL)

Thép cacbon là một loại thép có hai thành phần cơ bản chính là sắt và cacbon, trong khi các nguyên tố khác có mặt trong thép cacbon là không đáng kể. Thành phần phụ trợ trong thép cacbon là mangan (tối đa 1,65%), silic (tối đa 0,6%) và đồng (tối đa 0,6%). Lượng cacbon trong thép càng giảm thì độ dẻo của thép cacbon càng cao. Hàm lượng cacbon trong thép tăng lên cũng làm cho thép tăng độ cứng, tăng thêm độ bền nhưng cũng làm giảm tính dễ uốn và giảm tính hàn. Hàm lượng carbon trong thép tăng lên cũng kéo theo làm giảm nhiệt độ nóng chảy của thép.

Có hơn 90% bulong ốc vít được sản xuất từ thép Carbon. Thép có khả năng gia công tuyệt vời, đưa ra một loạt các kết hợp có thể đạt được các đặc tính độ bền, và so sánh với các vật liệu Bulong ốc vít thường được sử dụng khác, ít tốn kém hơn.

Các tính chất cơ học rất nhạy cảm với hàm lượng Carbon, thường là ít hơn 1,0%. Đối với Bulong ốc vít, các loại thép phổ biến hơn thường được phân loại thành ba nhóm: Carbon thấp, carbon trung bình và thép hợp kim.

- Thép mềm (ít cacbon): Lượng cacbon trong khoảng 0,050,29%. Thép mềm có độ bền kéo vừa phải, nhưng lại khá rẻ tiền và dễ cán, rèn; Thép mềm sử dụng nhiều trong xây dựng, cán tấm, rèn phôi...Không thể tăng cường độ bền bằng nhiệt luyện mà chỉ có thể tăng cường độ bền thông qua việc làm lạnh. Thông thường, vật liệu carbon thấp có một giới hạn chảy 40.000 psi, độ bền kéo giữa 60.000 và 80.000 psi và độ dẻo của 25% EL. Các phân tích hóa học thông dụng nhất thường được sử dụng nhất bao gồm AISI1006,1008,1016,1018, 1021, và 1022.

- Thép cacbon trung bình: Lượng cacbon trong khoảng 0,300,59% (Ví dụ theo tiêu chuẩn AISI có thép 1040). Có sự cân bằng giữa độ mềm và độ bền và có khả năng chống bào mòn tốt; phạm vi ứng dụng rộng rãi, là các thép định hình cũng như các chi tiết máy, cơ khí.

- Thép cacbon cao: Lượng cacbon trong khoảng 0,60,99%. Rất bền vững, sử dụng để sản xuất nhíp, lò xo, kéo thành sợi dây thép chịu cường độ lớn.

- Thép cacbon đặc biệt cao: Lượng cacbon trong khoảng 1,02,0% [1]. Thép này khi tôi sẽ đạt được độ cứng rất cao. Dùng trong các việc dân dụng: dao cắt, trục xe hoặc đầu búa. Phần lớn thép này với hàm lượng 1,2% C được sử dụng trong công nghệ luyện kim bột và luôn được xếp loại vào với thép cacbon có hợp kim cao.

THÉP KHÔNG GỈ (INOX) STAINLESS STEEL

Trong ngành luyện kim, thuật ngữ thép không gỉ (inox) được dùng để chỉ một dạng hợp kim sắt chứa tối thiểu 10,5% crôm. Tên gọi là "thép không gỉ" nhưng thật ra nó chỉ là hợp kim của sắt không bị biến màu hay bị ăn mòn dễ dàng như là các loại thép thông thường khác. Vật liệu này cũng có thể gọi là thép chống ăn mòn. Thông thường, có nhiều cách khác nhau để ứng dụng inox cho những bề mặt khác nhau để tăng tuổi thọ của vật dụng. Trong đời sống, chúng xuất hiện ở khắp nơi như những lưỡi dao cắt hoặc dây đeo đồng hồ...

Thép không gỉ có khả năng chống sự ôxy hoá và ăn mòn rất cao, tuy nhiên sự lựa chọn đúng chủng loại và các thông số kỹ thuật của chúng để phù hợp vào từng trường hợp cụ thể là rất quan trọng.

Khả năng chống lại sự oxy hoá từ không khí xung quanh ở nhiệt độ thông thường của thép không gỉ có được nhờ vào tỷ lệ crôm có trong hợp kim (nhỏ nhất là 13% và có thể lên đến 26% trong trường hợp làm việc trong môi trường làm việc khắc nghiệt). Trạng thái bị oxy hoá của crôm thường là crôm ôxit(III). Khi crôm trong hợp kim thép tiếp xúc với không khí thì một lớp chrom III oxit rất mỏng xuất hiện trên bề mặt vật liệu; lớp này mỏng đến mức không thể thấy bằng mắt thường, có nghĩa là bề mặt kim loại vẫn sáng bóng. Tuy nhiên, chúng lại hoàn toàn không tác dụng với nước và không khí nên bảo vệ được lớp thép bên dưới. Hiện tượng này gọi là sự oxy hoá chống gỉ bằng kỹ thuật vật liệu. Có thể thấy hiện tượng này đối với một số kim loại khác như ở nhôm và kẽm.



佛山鑫全利数控设备
Foshan Xin Quanli CNC Equipment

XQL
鑫全利激光





Công Nghệ Cắt Laser



CÔNG TY TNHH SX VÀ TM BULONG VIỆT DUC

- Email: tuanvietss81@gmail.com
- Hotline: 0931.689.555

HOTLINE 0931.689.555